

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỒNG QUANG HẢI

**CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH
THEO PHÁP LUẬT CẠNH TRANH VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. Nguyễn Văn Cương

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học Viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi xin viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật – Học Viện Khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

ĐỒNG QUANG HẢI

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH	7
1.1 Khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh	7
1.2 Khái quát về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh	19
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	30
2.1 Thực trạng quy định pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh	30
2.2 Thực trạng áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam	39
2.3 Đánh giá chung	43
Chương 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH	52
3.1 Các yêu cầu hoàn thiện pháp luật	52
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh	54
3.3 Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh	64
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1	Bảng thống kê điều tra vụ việc cạnh tranh không lành mạnh	Tr. 40
Bảng 2.2	Biểu đồ thể hiện số tiền phạt từ các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh qua các năm	Tr. 41

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quy luật cạnh tranh là một trong những quy luật kinh tế khách quan tác động một cách mạnh mẽ đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Cạnh tranh vừa là đòn bẩy vừa là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp khai thác và sử dụng những tiềm năng nội lực của mình một cách có hiệu quả. Cạnh tranh trong kinh doanh là quyền cơ bản của các chủ thể kinh doanh trên thị trường và được pháp luật các nước bảo hộ. Các chủ thể kinh doanh có thể sử dụng nhiều phương thức để cạnh tranh với nhau, trong đó có phương thức cạnh tranh lành mạnh và phương thức cạnh tranh không lành mạnh.

Ngày 03 tháng 12 năm 2004, Luật Cạnh tranh được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2005. Với tư cách là công cụ pháp lý được sử dụng để loại bỏ các biểu hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường, điều chỉnh mặt trái của cạnh tranh, đạo luật ra đời có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ sự lành mạnh và khả năng phát triển của nền kinh tế trong nước, bảo vệ quyền tự do kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, công bằng không mang tính phân biệt đối xử. Đạo luật cũng khuyến khích các chủ thể kinh doanh cạnh tranh một cách lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như năng lực hoạt động của doanh nghiệp thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập của kinh tế trong nước với nước ngoài nhanh chóng, sâu rộng và hiệu quả hơn.

Trải qua hơn 11 năm thực thi Luật Cạnh tranh 2004, pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh nói chung cũng như pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng cơ bản đã có nhiều tác động thực tế tới quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, sự đa dạng hóa các thành phần kinh tế

cùng với việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã phát sinh mà chưa có biện pháp đấu tranh có hiệu quả. Các chế tài trở nên chưa đủ mạnh để kiểm soát, loại bỏ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các chủ thể kinh doanh. Thực tế đã chứng minh việc điều tra và xử lý các vụ việc cạnh tranh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành chiếm số lượng rất ít so với thực tiễn xảy ra hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Luật Cạnh tranh năm 2004 được đánh giá là một đạo luật thiếu tính chế tài đối với từng hành vi vi phạm cụ thể, chế tài xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh vẫn nằm rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau, kể cả các văn bản dưới Luật. Thực tế đó đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh vẫn biểu hiện ở nhiều khía cạnh, nhiều dạng thức và gây ra nhiều tranh chấp trong giới kinh doanh, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước.

Vì thế, việc nghiên cứu các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cùng với các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là rất cần thiết, qua đó định hướng các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thiện pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh theo hướng thiết lập các chế tài phù hợp, đầy đủ, thống nhất và đủ tính nghiêm khắc để tạo một môi trường kinh doanh bình đẳng và công bằng. Đây cũng chính là lý do mà tôi lựa chọn đề tài **“Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam”** để nghiên cứu và làm luận văn thạc sĩ Luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Lĩnh vực pháp luật cạnh tranh nói chung và pháp luật chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng luôn nhận được sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu Luật học cũng như giới kinh doanh. Các công trình nghiên cứu về lĩnh vực này được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau từ

Luận án, Luận văn, Báo cáo và các bài đăng trên tạp chí chuyên ngành. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Ở cấp độ Luận án, Luận văn chuyên ngành kinh tế: Đề tài “*Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam*” – Luận án Tiến sỹ của tác giả Lê Anh Tuấn – Năm 2008 - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; đề tài “*Pháp luật chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quảng cáo ở Việt Nam*” – Luận văn Thạc sỹ của tác giả Trịnh Thị Liên Hương – Năm 2010 - Trường Đại học Luật Hà Nội; đề tài “*Cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực xúc tiến thương mại theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004*” – Luận văn Thạc sỹ của tác giả Vũ Thị Cẩm Tú – Năm 2010 - Trường Đại học Luật Hà Nội; đề tài “*Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam*” – Luận văn Thạc sỹ của tác giả Quách Thị Hương Giang – Năm 2011 - Khoa Luật Đại học Quốc gia; đề tài “*Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh và việc xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam*” – Luận văn Thạc sỹ của tác giả Đinh Đức Minh – Năm 2012 - Trường Đại học Luật Hà Nội.....

Ở cấp độ bài đăng trên tạp chí có thể kể đến: Bài viết “*Đưa pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh vào cuộc sống*” của PGS.TS Nguyễn Như Phát trên tạp chí Luật học số 6/2006; bài viết “*Xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam*” của Thạc sỹ Nguyễn Thị Như Quỳnh trên Tạp chí Luật học số 5/2009; bài viết “*Bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra*” của PGS.TS Đỗ Văn Đại, Th.S Nguyễn Thị Hòa Trâm trên Tạp chí Khoa học pháp lý, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh số 2/2012.....

Tuy nhiên, các công trình và bài viết chỉ tiếp cận ở góc độ khái quát về khoa học pháp lý đối với quan hệ cạnh tranh nói chung và chống cạnh tranh không lành mạnh nói riêng hoặc nghiên cứu cạnh tranh trong từng lĩnh vực,

dưới từng góc độ khác nhau. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể và chuyên sâu về các chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam, đánh giá những bất cập của hệ thống chế tài và cơ chế bảo đảm thực hiện để đề xuất các biện pháp hoàn thiện pháp luật nhằm ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong các quan hệ kinh tế diễn ra trong môi trường kinh doanh hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Về mục đích nghiên cứu: Luận văn đi sâu vào nghiên cứu về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam. Từ những vấn đề đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và củng cố chế tài pháp luật đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, góp phần đấu tranh chống hành vi vi phạm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng.

Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận văn có nhiệm vụ:

- Làm rõ những khía cạnh lý luận trong quy định của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh;
- Phân tích và đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thực tiễn cạnh tranh không lành mạnh và vấn đề xử lý vi phạm;
- Đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện Luật Cạnh tranh Việt Nam về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh phù hợp với điều kiện thực tế ở nước ta và xu thế hội nhập quốc tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Hiện nay ở Việt Nam việc áp dụng chế tài đối hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực pháp luật khác nhau như: Pháp luật hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự... Tuy nhiên luận văn này chỉ tập trung nghiên cứu về pháp luật đối với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh và chế tài đối với hành vi

cạnh tranh không lành mạnh trong Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được viết trên cơ sở Chủ nghĩa Mác Lê-Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để thể chế chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp như: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp. Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp phân tích kết hợp với phương pháp so sánh luật học để làm rõ nội dung của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh và chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật cạnh tranh, từ đó đánh giá ưu điểm cũng như những hạn chế trong pháp luật hiện hành nhằm đề xuất kiến nghị và giải pháp mang tính thực tiễn và khả thi. Các phương pháp nghiên cứu trong luận văn được thực hiện trên nền tảng của phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đề tài “**Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam**” góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức về quy định pháp luật cạnh tranh về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, phân tích việc áp dụng các chế tài của pháp luật thực hiện trên thực tế, từ đó đưa ra một số kiến nghị cũng như giải pháp nhằm tăng tính khả thi và hiệu quả của chế tài, tạo một môi trường kinh doanh cạnh tranh thực sự bình đẳng và công bằng, tạo được niềm tin cho doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng, tăng vị thế cạnh tranh của đất nước trên trường quốc tế. Do đó, đề tài góp phần cung cấp thông tin có giá trị tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách trong quá trình hoàn thiện pháp luật cạnh tranh trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Chương 2: Thực trạng quy định pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

1.1 Khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1.1 Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Cạnh tranh là một trong những quy luật quan trọng của nền kinh tế thị trường. Cạnh tranh vừa là động lực thúc đẩy phát triển nền kinh tế, đem lại nhiều lợi ích cho khách hàng, người tiêu dùng và được Nhà nước bảo vệ. Hành vi cạnh tranh sẽ được coi là lành mạnh khi các doanh nghiệp cạnh tranh bằng những hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, cũng như phù hợp về các chuẩn mực, đạo đức kinh doanh thông thường. Tuy nhiên, cũng có những doanh nghiệp đã lựa chọn những cách thức và phương pháp kinh doanh trái pháp luật, tiến hành những hành vi cạnh tranh không lành mạnh đi ngược lại các nguyên tắc trung thực, thiện chí, hay những thông lệ, tập quán được chấp nhận và tồn tại lâu dài trong kinh doanh, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận tạo ra lợi thế cạnh tranh bất chính cho mình. Những hành vi đó nguy hại đối với môi trường cạnh tranh và luôn bị pháp luật cấm và kiểm soát nghiêm ngặt.

Để đảm bảo cho hoạt động cạnh tranh được diễn ra một cách khách quan trên thị trường nhưng trong khuôn khổ pháp luật, Nhà nước chỉ tác động bằng các chính sách cạnh tranh cơ bản như: Các quy định về an toàn và sức khỏe; bảo vệ người tiêu dùng và chống cạnh tranh không công bằng, lừa dối hoặc thiếu đạo đức đối với người tiêu dùng; bảo vệ quyền cạnh tranh, chống các hoạt động độc quyền để đảm bảo sự cạnh tranh thực sự giữa các doanh nghiệp...

Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Hiểu theo nghĩa rộng thì hành vi cạnh tranh không lành mạnh bao gồm tất cả các hành vi cạnh tranh bằng việc sử dụng các thủ đoạn bất chính

xâm hại tới các hoạt động cạnh tranh trên thị trường, xâm hại đến quyền tự do cạnh tranh một cách công bằng của các doanh nghiệp. Hiểu theo quan niệm này, các hành vi hạn chế cạnh tranh (Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường) cũng thuộc vào phạm trù “*Cạnh tranh không lành mạnh*”[16].

Công ước Paris 1883 về Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Đây là một trong những Điều ước quốc tế sớm nhất có quy định về việc chống các hành vi cạnh tranh không lành mạnh) có quy định: “*Bất cứ hành vi cạnh tranh nào trái với hoạt động thực tiễn trung thực, thiện chí trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại đều bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh*” (Điều 10Bis – Được bổ sung vào Công ước từ năm 1900 và được sửa đổi lần cuối theo văn bản Stockholm năm 1967). Như vậy, tiêu chí đánh giá tính lành mạnh hay không lành mạnh của Công ước về hành vi cạnh tranh là “*hoạt động thực tiễn trung thực, thiện chí*”. Đó là một tiêu chí khó định lượng và có thể thay đổi, ở mỗi quốc gia do có những sự khác biệt phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia đó. Sự không rõ ràng trong việc xác định phạm vi cạnh tranh không lành mạnh tiếp tục được thể hiện trong pháp luật nhiều nước, như tại Bỉ và Luxembourg tiêu chí đó là “*thông lệ thương mại trung thực*”; tại Tây Ban Nha và Thụy Sĩ lại là “*nguyên tắc ngay tình*”; tại Italia là “*tính chuyên nghiệp đúng đắn*”; tại Đức, Hy Lạp và Ba Lan thì là “*đạo đức kinh doanh*”. Còn tại Hoa Kỳ do thiếu định nghĩa trong các văn bản pháp luật, các Tòa án đã xác định từ nguồn án lệ xác định cạnh tranh lành mạnh là “*các nguyên tắc giải quyết trung thực và công bằng*” hoặc “*đạo đức thị trường*”.

Theo Luật Cạnh tranh Việt Nam, hành vi cạnh tranh không lành mạnh bao gồm: “*các hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp*

pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng” (Điều 3 Khoản 4). Điều 39 Luật Cạnh tranh Việt Nam quy định rõ một số loại hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh bao gồm: Chỉ dẫn gây nhầm lẫn; xâm phạm bí mật kinh doanh; ép buộc trong kinh doanh; gièm pha doanh nghiệp khác; gây rối hoạt động của doanh nghiệp khác; quảng cáo và khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh; phân biệt đối xử của hiệp hội; bán hàng đa cấp bất chính và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác do Chính phủ quy định thỏa mãn các tiêu chí tại Khoản 4 Điều 3 Luật Cạnh tranh.

Trong ba cách quan niệm trên, với cách quan niệm thứ nhất thì lượng hành vi bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh rất rộng, điều đó có thể sẽ tạo ra sự lẫn lộn trong cơ chế xử lý giữa hành vi hạn chế cạnh tranh và hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong khi đó hai loại hành vi này lại có những đặc điểm khác biệt về bản chất rất khó trộn lẫn với nhau.

Cách quan niệm thứ hai được quy định trong Công ước Paris lại có phần hẹp hơn, hướng tới các hành vi mang tính chất gian dối trong hoạt động thương mại, cụ thể các hình thức cạnh tranh không lành mạnh bị cấm:

- Mọi hành vi nhằm gây ra sự nhầm lẫn, bằng bất kỳ phương tiện nào với cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh;

- Những tuyên bố sai trái trong công việc kinh doanh nhằm mất uy tín của cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh;

- Những chỉ dẫn hoặc tuyên bố sử dụng trong quá trình kinh doanh nhằm lừa dối công chúng về bản chất, quy trình sản xuất, đặc điểm, sự phù hợp về mục đích hoặc số lượng của hàng hóa.

Với những quy định của Công ước Paris thì hành vi cạnh tranh không lành mạnh không bao hàm một số hành vi thường được coi là hành vi cạnh

tranh không lành mạnh trong pháp luật của nhiều quốc gia như hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của đối thủ, xâm phạm bí mật kinh doanh...

Cách quan niệm theo Luật Cạnh tranh Việt Nam có phần hẹp hơn cách quan niệm thứ nhất nhưng lại rộng hơn cách quan niệm thứ hai. Tuy nhiên, dựa trên bối cảnh điều kiện kinh tế, kinh nghiệm lập pháp và thực thi pháp luật, thì phạm vi các hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Điều 39 Luật Cạnh tranh là tương đối phù hợp.

Qua cách định nghĩa về hành vi cạnh tranh không lành mạnh của pháp luật các nước và Điều ước quốc tế, có thể thấy một điểm chung giữa các khái niệm về hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đó là hành vi cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận mà đi ngược lại các nguyên tắc xã hội, tập quán và truyền thống kinh doanh, xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc của người tiêu dùng.

1.1.2 Đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Luật Cạnh tranh 2004 có thể thấy hành vi cạnh tranh không lành mạnh có những đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, hành vi cạnh tranh không lành mạnh trước hết là một hành vi cạnh tranh do các chủ thể kinh doanh trên thị trường thực hiện, nhằm mục đích lợi nhuận. Đặc điểm này thể hiện quy định về chủ thể và mục đích thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Theo đó, chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh là các doanh nghiệp tham gia hoạt động trên thị trường. Ở đây khái niệm phạm trù “doanh nghiệp” được hiểu theo nghĩa rộng hơn so với khái niệm phạm trù “doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 7 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014. Theo Luật Doanh nghiệp thì “doanh nghiệp” chỉ được hiểu là tổ chức kinh tế, còn theo Luật Cạnh tranh thì “doanh nghiệp” đó là bao gồm mọi tổ chức hay cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm lợi nhuận một cách thường xuyên và chuyên nghiệp, hay sử dụng khái niệm của

pháp luật thương mại là có tư cách thương nhân trên thị trường. Trên một phạm vi rộng hơn, các quy định về cạnh tranh không lành mạnh còn có thể áp dụng đối với hành vi của các nhóm doanh nghiệp hoạt động có tổ chức (hiệp hội) và các cá nhân hành nghề tự do (bác sĩ, luật sư, kiến trúc..) [42, tr.294].

Ngoài ra, mục đích cạnh tranh cũng là một yếu tố bắt buộc để có thể xác định một hành vi cạnh tranh lành mạnh hay không. Nếu hành vi của một doanh nghiệp, hiệp hội hay cá nhân mà không nhằm mục đích cạnh tranh thì đó không phải là hành vi cạnh tranh không lành mạnh và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Cạnh tranh.

Thứ hai, hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh. Đặc điểm này là căn cứ để xác định bản chất không lành mạnh của hành vi.

Tuy nhiên, khái niệm “*chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh*” hãy còn mang tính trừu tượng, rất khó xác định. Nó còn phụ thuộc vào quan niệm truyền thống kinh doanh của riêng từng quốc gia, hay từng vùng miền. Không có căn cứ pháp lý hoặc cấu thành pháp lý cụ thể, rõ ràng để xác định đặc điểm này. Theo tìm hiểu, thuật ngữ “*chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh*” có thể xác định dựa vào hai căn cứ:

- Căn cứ luật định là những tiêu chuẩn được định lượng hóa bằng pháp luật, khi một hành vi đi trái với các quy định của pháp luật sẽ được xem là không lành mạnh. Trong trường hợp này hành vi cạnh tranh không lành mạnh đồng nghĩa với hành vi cạnh tranh bất hợp pháp, có thể là hành vi của tổ chức, cá nhân kinh doanh vi phạm điều cấm của pháp luật bao gồm các quy định của Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật khác như pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật thương mại... hoặc là hành vi vi phạm các tiêu chuẩn lành mạnh được pháp luật quy định cũng là những nguyên tắc cơ bản của giao dịch dân sự, thương mại như nguyên tắc về tính trung thực, thiện chí, tự nguyện... được quy định tại các văn bản như Bộ luật Dân sự hay Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ vào các tập quán kinh doanh thông thường đã được thừa nhận rộng rãi trong đời sống của thị trường, căn cứ được áp dụng đối với những hành vi chưa được pháp luật dự liệu là cạnh tranh không lành mạnh. Đây là biện pháp dự phòng để áp dụng cho những trường hợp pháp luật chưa quy định về một hành vi cụ thể nhưng khi hành vi này được thực hiện đã xâm hại đến quyền cạnh tranh của các tổ chức, cá nhân kinh doanh khác, quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng và trái với tập quán kinh doanh. Căn cứ này mở rộng khả năng điều chỉnh và khắc phục tình trạng chóng lác hậu của pháp luật cạnh tranh. Thực định cho đến nay, Luật Cạnh tranh vẫn chưa quy định những tập quán kinh doanh nào được coi là các chuẩn mực đạo đức thông thường [43, tr.127].

Đặc điểm này luôn đòi hỏi cơ quan xử lý về hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải có những hiểu biết đánh giá sâu sắc về thực tiễn thị trường, bên cạnh đó là sự đòi hỏi pháp luật cạnh tranh được chỉnh lý, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp khác hoặc của người tiêu dùng.

Quyền tự do kinh doanh đã được ghi nhận một cách cụ thể trong Hiến pháp tại Điều 33 Hiến pháp 2013 “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” và cạnh tranh là một bộ phận cấu thành nên nội hàm của quyền tự do kinh doanh. Theo Điều 4 Luật Cạnh tranh thì “doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, Nhà nước bảo hộ quyền cạnh tranh hợp pháp trong kinh doanh”. Tất nhiên, để được Nhà nước bảo hộ thì việc cạnh tranh đó phải được thực hiện dựa trên các nguyên tắc trung thực, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, của người tiêu dùng và phải tuân thủ các quy định của Luật Cạnh tranh.

Như vậy, khi một hành vi cạnh tranh được thực hiện nhưng không theo nguyên tắc nói trên, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước (tác động xấu đến thị trường, làm đảo lộn trật tự quản lý kinh tế...), của doanh nghiệp khác (bị mất uy tín, giảm thị phần, giảm doanh thu) hoặc của người tiêu dùng (bị mua hàng kém chất lượng, giảm sức khỏe, bị nhầm lẫn, thậm chí ảnh hưởng tính mạng...) thì hành vi cạnh tranh đó được coi là không lành mạnh. Bên cạnh đó thiệt hại mà hành vi gây ra có thể là hiện thực đã xảy ra, diễn ra nhưng cũng có thể chỉ là tiềm năng khi có căn cứ để xác định hậu quả chắc chắn sẽ xảy ra nếu không có biện pháp ngăn chặn hành vi. Do đó, một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh có cấu thành vật chất (thiệt hại là dấu hiệu nhận biết bắt buộc) như gièm pha doanh nghiệp khác; một số hành vi lại có cấu thành hình thức (thiệt hại không là dấu hiệu bắt buộc mà có thể là sự suy đoán nếu hành vi tiếp tục được thực hiện) ví dụ như hành vi quảng cáo không trung thực.

Đặc điểm này giúp chúng ta phân biệt giữa hành vi cạnh tranh không lành mạnh với các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là sự thống nhất hành động của nhóm doanh nghiệp nhằm giảm bớt hoặc loại bỏ đối thủ cạnh tranh, hạn chế khả năng hành động độc lập của đối thủ cạnh tranh, làm thay đổi tình trạng và quy luật cạnh tranh trên thị trường. Đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh không cần phải xác định chính xác đối tượng và mức độ thiệt hại vật chất một cách cụ thể, chỉ cần phân tích bản chất và diễn biến của hành vi để có thể kết luận về những tác động của nó đến tình hình cạnh tranh trên thị trường liên quan.

1.1.3 Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể được phân thành nhiều loại khác nhau phụ thuộc vào tiêu chí cũng như mục đích phân loại. Nhưng xét một cách khái quát các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cùng có một bản chất là đều tạo ra những lợi thế không chính đáng trong tương quan cạnh tranh trên thị trường và có thể chia làm ba nhóm:

Nhóm 1: Nhóm các hành vi mang tính chất lợi dụng

Đây có thể coi là nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang tính chất điển hình và được biết đến với nhiều dạng thức khác nhau như gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ, lợi dụng thành quả đầu tư của người khác, xâm phạm bí mật kinh doanh... Bản chất của hành vi này là việc chiếm đoạt sử dụng trái phép lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khác. Dạng hành vi này được coi là phổ biến, điển hình của cạnh tranh không lành mạnh.

Theo quy định của pháp luật cạnh tranh Việt Nam thì nhóm các hành vi mang tính chất lợi dụng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp khác bao gồm hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn và hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh được quy định tại Điều 40 và 41 Luật Cạnh tranh. Cả hai hành vi này đều có một số đặc điểm mang tính đặc trưng về phương thức thực hiện hành vi cũng như về mục đích và phương pháp xác định hành vi.

Phương thức thực hiện hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn là chúng xâm hại đến tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, bao bì, chỉ dẫn địa lý... được in trên sản phẩm hàng hóa, hay dịch vụ của đối thủ cạnh tranh. Luật Cạnh tranh không chỉ ra dấu hiệu nhận dạng các đối tượng bị xâm phạm này, do đó để có thể nhận dạng phương thức thực hiện phải sử dụng phối hợp các quy phạm định nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan để từ đó có cách hiểu thống nhất trong quá trình áp dụng. Phương thức thực hiện hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh là tiếp nhận, thu thập, sử dụng, tiết lộ hoặc vi phạm hợp đồng bảo mật, có hành vi lừa gạt hay lợi dụng người có nghĩa vụ bảo mật để có được thông tin thuộc bí mật kinh doanh của đối thủ cạnh tranh mà khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó.

Mục đích của hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn là tạo nên sự nhầm lẫn của khách hàng về hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp là đối thủ cạnh tranh với hàng hóa, dịch vụ của chính doanh nghiệp mình. Còn mục đích của hành vi

xâm phạm bí mật kinh doanh là nhằm chiếm đoạt bí mật kinh doanh của chính đối thủ cạnh tranh tạo lợi thế cho doanh nghiệp mình.

Phương pháp xác định hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn là so sánh giữa các dấu hiệu để có thể nhận biết hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp bị xâm hại với đặc tính để nhận biết hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp đang sử dụng bị coi là đã có hành vi sử dụng những thông tin gây nhầm lẫn cho khách hàng.

Nhóm 2: Nhóm các hành vi mang tính chất công kích

Đây là nhóm hành vi có chung bản chất là tấn công vào đối thủ cạnh tranh, triệt tiêu hoặc làm suy giảm các lợi thế cạnh tranh của đối thủ cạnh tranh. Các hành vi cụ thể rất đa dạng, phụ thuộc vào cách thức, mục tiêu công kích, có thể là những thông tin sai trái làm mất uy tín của đối thủ cạnh tranh hoặc lôi kéo, mua chuộc nhân viên của đối thủ cạnh tranh. Mặc dù dạng hành vi công kích nói trên cũng tác động thẳng tới đối thủ cạnh tranh của bên vi phạm, nhưng do tính chất trực diện của hành vi, các bên liên quan thường có khuynh hướng sử dụng các quy định trực tiếp về gây thiệt hại về bồi thường thiệt hại của pháp luật Dân sự để giải quyết tranh chấp một cách triệt để, thay vì áp dụng các quy định riêng của pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh.

Theo quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam nhóm hành vi này gồm: hành vi ép buộc trong kinh doanh; hành vi gièm pha doanh nghiệp khác; hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác được quy định tại các Điều 42, 43 và 44 của Luật Cạnh tranh.

Hành vi ép buộc trong kinh doanh được quy định tại Điều 42 Luật Cạnh tranh, theo đó phương thức thực hiện hành vi là dùng áp lực để đe dọa hoặc thực hiện cưỡng ép khách hàng, đối tác kinh doanh không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với chính đối thủ cạnh tranh của mình. Mục đích thực hiện hành vi là nhằm lôi kéo khách hàng hoặc đối tác kinh doanh của đối thủ cạnh tranh để họ ngừng giao dịch hoặc không thực hiện giao dịch với doanh nghiệp

đó, làm giảm lượng khách hàng cũng như đối tác làm ăn của đối thủ cạnh tranh với mình.

Hành vi gièm pha doanh nghiệp khác được quy định tại Điều 43 Luật Cạnh tranh, theo đó điều luật cấm gièm pha doanh nghiệp khác với mục đích nhằm ngăn chặn hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp với nhau, qua đó bảo vệ quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh cũng như quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng. Phương thức thực hiện hành vi là tạo ra những thông tin không trung thực, ảnh hưởng xấu tới uy tín đối thủ, có thể hình thành dưới các dạng hình thức như nói xấu, bôi nhọ chất lượng hàng hóa, dịch vụ, cách thức bán hàng, hay tiềm lực tài chính của đối thủ cạnh tranh. Hành vi này có thể được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp không nhất thiết doanh nghiệp này phải có hành vi trực tiếp thực hiện hành vi gièm pha.

Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác được quy định tại Điều 44 Luật Cạnh tranh. Đây là hành vi nhằm vào đối thủ cạnh tranh và xâm phạm trực tiếp đến đối thủ cạnh tranh. Phương thức thực hiện hành vi được thực hiện dưới dạng quấy phá, gây rối hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh. Hành vi này có thể do doanh nghiệp trực tiếp thực hiện hoặc thông qua một chủ thể khác thực hiện tác động đến hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh với doanh nghiệp mình và chính hành vi này là tác nhân trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh. Mục đích của hành vi gây rối này là nhằm cản trở, gián đoạn hoạt động kinh doanh gây ảnh hưởng đến hoạt động cũng như hiệu quả tính cạnh tranh của đối thủ trên thương trường nói chung và trong việc cạnh tranh với doanh nghiệp của mình nói riêng.

Nhóm 3: Nhóm các hành vi lôi kéo bất chính khách hàng

Bản chất của hành vi này là tạo ra một lợi thế cạnh tranh gian dối để lôi kéo khách hàng (chủ yếu là người tiêu dùng). Đối tượng chịu tác động trực

tiếp của nhóm hành vi này là khách hàng, còn các doanh nghiệp cạnh tranh chỉ chịu ảnh hưởng gián tiếp từ hành vi vi phạm thông qua việc mất khách hàng. Trong nhiều trường hợp, việc lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch bằng các biện pháp bất chính vi phạm tới nguyên tắc căn bản của giao dịch dân sự là tự do ý chí nên còn chịu sự điều chỉnh của cả pháp luật dân sự, pháp luật thương mại.

Theo quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam, hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh và bán hàng đa cấp bất chính thuộc nhóm hành vi này và được quy định tại các Điều 45,46 và 48 Luật Cạnh tranh.

Điều 45 Luật Cạnh tranh quy định những nhóm hành vi sau đây bị coi là quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh và cấm thực hiện: “*So sánh trực tiếp hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác; Bắt chước một sản phẩm quảng cáo khác để gây nhầm lẫn cho khách hàng; Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về một trong các nội dung sau đây: giá, số lượng, chất lượng, công dụng, kiểu dáng, chủng loại bao bì, ngày sản xuất, nơi sản xuất, người gia công, nơi gia công; Cách thức sử dụng, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành; Các thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn khác và các hoạt động quảng cáo khác mà pháp luật có quy định cấm*”. Như vậy, có thể hiểu hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh là hành vi quảng cáo trái pháp luật, trái với hiện thực, thực chất của hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng cách quảng cáo theo kiểu so sánh hàng hóa, dịch vụ, bắt chước sản phẩm quảng cáo khác, đưa thông tin gian dối cho khách hàng... Đây là hành vi cạnh tranh xâm hại trực tiếp đến đối thủ cạnh tranh, quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Điều 46 Luật Cạnh tranh quy định 4 nhóm hành vi khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh bao gồm: “*Tổ chức khuyến mại mà gian dối về*

giải thưởng; Khuyến mại không trung thực hoặc gây nhầm lẫn về hàng hóa, dịch vụ để lừa dối khách hàng; Phân biệt đối xử đối với các khách hàng như nhau tại các địa bàn tổ chức khuyến mại khác nhau trong cùng một chương trình khuyến mại; Tặng hàng hóa cho khách hàng dùng thử nhưng lại yêu cầu khách hàng đổi hàng hóa cùng loại do doanh nghiệp khác sản xuất mà khách hàng đó đang sử dụng để dùng hàng hóa của mình". Các hành vi này có thể do doanh nghiệp trực tiếp thực hiện hoặc được tiến hành thông qua thương nhân kinh doanh thực hiện dịch vụ khuyến mại của mình.

Hành vi bán hàng đa cấp bất chính được quy định tại Điều 48 Luật Cạnh tranh. Bán hàng đa cấp được hiểu là hình thức bán hàng trực tiếp hàng hóa từ nhà phân phối độc lập đến thẳng người tiêu dùng và không nhất thiết phải thông qua các kênh bán lẻ cố định. Doanh nghiệp là chủ sở hữu đối với hàng hóa, nhà phân phối nhận tiền thù lao từ doanh nghiệp. Pháp luật ngăn cấm doanh nghiệp thực hiện các hành vi sau đây nhằm thu lợi bất chính từ việc tuyển dụng người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp: *"Yêu cầu người muốn tham gia phải đặt cọc, phải mua một số lượng hàng hóa ban đầu hoặc phải trả một khoản tiền để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp; Không cam kết mua lại với mức giá ít nhất là 90% giá hàng hóa đã bán cho người tham gia để bán lại; Cho người tham gia nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác chủ yếu từ việc dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp; Cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hóa để dụ dỗ người khác tham gia*". Những quy định ngăn cấm này của pháp luật chính là nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của những người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, cũng như hạn chế việc tổn hại về kinh tế cho những người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp bất chính.

1.2 Khái quát về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.2.1 Khái quát về chế tài

1.2.1.1 Khái niệm chế tài

Trong lý luận Nhà nước và pháp luật, thì chế tài được tiếp cận là một trong những bộ phận của một quy phạm pháp luật “*Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm đạt được những mục đích nhất định*” [41, tr.126]. Một quy phạm pháp luật thông thường bao gồm những bộ phận cấu thành: Giả định, quy định và chế tài.

Giả định là phần được dự liệu điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong đời sống và xác định loại cá nhân, tổ chức cụ thể mà xử sự của họ được pháp luật gắn liền với những điều kiện và hoàn cảnh đó hoặc những biện pháp tác động của Nhà nước sẽ được áp dụng đối với họ trong những điều kiện, hoàn cảnh đó.

Quy định là phần xác định cách xử sự của chủ thể khi chủ thể ở trong những điều kiện hoàn cảnh xác định trong phần giả định của quy phạm pháp luật. Nội dung của quy định thực chất là xác định quyền và nghĩa vụ của chủ thể khi gặp điều kiện, hoàn cảnh được nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật.

Chế tài là bộ phận của quy phạm pháp luật dự kiến những biện pháp được áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật. Bộ phận chế tài trả lời câu hỏi: Chủ thể sẽ phải gánh chịu hậu quả gì khi không thực hiện đúng cách thức xử sự được nêu trong phần quy định của quy phạm pháp luật khi chủ thể đó gặp những điều kiện, hoàn cảnh được dự liệu trong phần giả định của quy phạm pháp luật. Chế tài được xem như là các biện pháp vừa có tính răn đe, phòng ngừa, vừa có giá trị như là những biện pháp để trừng trị đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

Khi nghiên cứu chế tài đối với một loại hành vi vi phạm pháp luật, chúng ta không phân tích một chế tài cụ thể trong một quy phạm pháp luật cụ thể mà xem xét định nghĩa trên một phương diện rộng hơn, bao quát hơn, đó là hệ thống các chế tài áp dụng đối với các hình thức biểu hiện cụ thể của loại hành vi vi phạm pháp luật.

Theo cách tiếp cận này thì có thể hiểu: “*Chế tài là hệ thống các biện pháp mà chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng đối với các chủ thể thực hiện một loại hành vi vi phạm pháp luật nhất định*”[03, tr.20].

1.2.1.2 Đặc điểm của chế tài

Thứ nhất, chế tài luôn gắn liền với giả định và quy định. Bởi chế tài cùng với giả định và quy định là các bộ phận cấu thành nên một quy phạm pháp luật, các quy định chế tài cần có sự tương thích với hệ thống quy định về điều kiện hoàn cảnh, chủ thể liên quan, quyền, nghĩa vụ và hành vi của các chủ thể đó. Trong lập pháp, các nhà làm luật phải dựa trên giả định và quy định để xây dựng nên chế tài phù hợp.

Thứ hai, chế tài được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực Nhà nước. Pháp luật do Nhà nước đặt ra để làm công cụ quản lý xã hội, chế tài là một bộ phận của pháp luật do đó nó được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của mình.

Thứ ba, chế tài có nhiều mục đích khác nhau. Mục đích chính và cơ bản của chế tài là trừng trị những chủ thể thực hiện những hành vi trái với quy định pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước, cộng đồng và xã hội cho nên họ phải chịu các biện pháp trừng trị thích đáng. Ngoài ra, chế tài còn có mục đích ngăn ngừa và giáo dục người vi phạm.

Thứ tư, chế tài chỉ có thể được áp dụng bởi chủ thể có thẩm quyền. Chế tài là biện pháp pháp lý được quy định trong pháp luật và áp dụng đối với các chủ thể vi phạm, do đó chế tài không thể được áp dụng một cách bừa bãi mà chỉ có thể được áp dụng bởi các chủ thể nhân danh quyền lực Nhà nước. Đối

với mỗi biện pháp chế tài thì pháp luật lại có những quy định chủ thể riêng có thẩm quyền áp dụng chế tài.

1.2.2 Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.2.2.1 Khái niệm chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi gây nguy hại cho xã hội, ảnh hưởng đến các đối thủ cạnh tranh nói riêng cũng như đến môi trường cạnh tranh nói chung. Các biện pháp chế tài phù hợp để áp dụng đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhằm đảm bảo tạo một môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng.

Hiện nay, khái niệm chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh vẫn là một thuật ngữ mới mẻ ở Việt Nam. Luật Cạnh tranh cũng như trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hiện hành đều chưa đưa ra định nghĩa khái niệm về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, nhưng căn cứ vào khái niệm chế tài nói chung được đề cập trong bài, có thể hiểu: *Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là những hệ quả pháp lý bất lợi được Nhà nước áp dụng đối với các chủ thể kinh doanh do đã có hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho các chủ thể kinh doanh và các chủ thể khác.*

1.2.2.2 Đặc điểm chế tài hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Ngoài đặc điểm chung của chế tài như được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực Nhà nước, được áp dụng bởi chủ thể có thẩm quyền, chủ thể vi phạm phải gánh chịu một hậu quả bất lợi nhất định, chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam còn có những đặc điểm riêng:

Thứ nhất, chủ thể bị áp dụng chế tài là các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề hoạt động ở Việt Nam. Đối tượng chủ thể của quan hệ cạnh tranh được quy định tại Điều 2 Luật Cạnh tranh đó là bao gồm các doanh nghiệp thuộc

mọi thành phần kinh tế và các hiệp hội ngành nghề hoạt động ở Việt Nam. Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh nếu các chủ thể đó vi phạm các quy định về cạnh tranh lành mạnh thì sẽ bị áp dụng các biện pháp chế tài xử lý.

Thứ hai, bên bị áp dụng chế tài phải gây ra thiệt hại cho bên kia khi thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Bản thân hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang đặc điểm là luôn gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại. Như vậy, thiệt hại là một dấu hiệu để nhận diện hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, thiệt hại đó phải do hành vi cạnh tranh không lành mạnh với các dạng hành vi được quy định tại Điều 39 Luật Cạnh tranh gây ra, khi đó trách nhiệm pháp lý của chủ thể hành vi mới được đặt ra. Một điểm đặc thù trong việc áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là luôn áp dụng chế tài kép. Cùng một hành vi gây ra thiệt hại, chủ thể vi phạm vừa phải chịu trách nhiệm trước Cơ quan Nhà nước do hành vi vi phạm quy định pháp luật của mình, bên cạnh đó cũng phải chịu trách nhiệm trước chủ thể chịu tác động do những hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra. Lúc này việc áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại được dẫn chiếu theo các quy định của Bộ luật Dân sự được đặt ra.

Thứ ba, chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau, thuộc các ngành luật khác nhau. Pháp luật cạnh tranh của các nước có nền kinh tế phát triển được quy định thành một đạo luật riêng, chế tài đối với mỗi hành vi vi phạm được quy định cụ thể và được pháp điển hóa trong một văn bản pháp luật. Đối với pháp luật cạnh tranh Việt Nam, để hỗ trợ cho các quy định về cạnh tranh là hệ thống các chế tài hành chính, chế tài hình sự, chế tài dân sự nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thương mại...

Theo Luật Cạnh tranh, chế tài chủ yếu được áp dụng đối với các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có hành vi cạnh tranh không lành mạnh là các chế tài hành chính [8, tr.55]. Theo Điều 117 Luật Cạnh tranh, đối với mỗi hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh thì tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau: Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả khác.

Thứ tư, việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan khác nhau. Chính do việc chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau nên sẽ có nhiều cơ quan khác nhau có thẩm quyền xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Các loại chế tài hình sự, chế tài dân sự được áp dụng bởi Tòa án. Chế tài hành chính được áp dụng bởi cơ quan quản lý Nhà nước các cấp và người đứng đầu các cơ quan đó. Do tính đặc thù của hành vi nên Nhà nước cũng đã xây dựng một cơ quan chuyên trách xử lý kiểm soát các hành vi cạnh tranh không lành mạnh đó là Cục Quản lý cạnh tranh (QLCT) – Bộ Công Thương. Ngoài ra, các cơ quan khác có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (SHTT) là Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan quản lý thị trường, hải quan, công an. Đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành như ngân hàng, chứng khoán, bưu chính viễn thông..... thì thẩm quyền xử lý theo quy định sẽ thuộc về cơ quan thanh tra chuyên ngành của ngành đó.

1.2.2.3 Vai trò của chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Mục đích cơ bản của pháp luật cạnh tranh đó là tạo ra môi trường pháp lý kinh doanh bình đẳng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, công bằng. Song

pháp luật cạnh tranh không tự thân đi vào cuộc sống nếu không có sự hỗ trợ của các biện pháp và cơ chế bảo đảm thực hiện. Trong hệ thống các cơ chế bảo đảm thực hiện đó có vai trò rất lớn của các chế tài xử lý vi phạm. Vai trò của các chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh biểu hiện ở những khía cạnh:

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp đối thủ. Pháp luật cạnh tranh có mục đích đảm bảo cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tự do trên thương trường. Những hành vi biến tướng của cạnh tranh đều có những tác động tiêu cực đến thị trường, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của các đối thủ cạnh tranh. Lúc đó rất cần thiết có sự tồn tại của các chế tài để giúp lập lại trật tự thị trường, giúp các doanh nghiệp yếu thế hơn thoát khỏi sự kìm kẹp và tác động không lành mạnh của hành vi cạnh tranh.

Luật Cạnh tranh của Việt Nam cũng có những quy định bảo đảm cho doanh nghiệp có quyền được khiếu nại đến cơ quan quản lý cạnh tranh về hành vi vi phạm của đối thủ để có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của mình. Như vậy, các quy phạm pháp luật cạnh tranh cùng với những chế tài đã tạo điều kiện và cơ chế đảm bảo cho các chủ thể kinh doanh tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trừng phạt các hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp và trật tự thị trường.

Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng (khách hàng).

Sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp luôn phải gắn liền với thị trường người tiêu dùng. Khách hàng thường có xu hướng lựa chọn các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ phù hợp nhu cầu, sở thích, túi tiền của mình và doanh nghiệp cũng luôn định hướng theo xu hướng tiêu dùng trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ của mình. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp luôn tìm mọi cách thu hút khách hàng và cạnh tranh thị phần với các

đối thủ cạnh tranh. Mặc dù là mục tiêu hướng tới của doanh nghiệp, nhưng nhu cầu đó lại bị khống chế bởi khả năng đáp ứng và kiểm soát từ phía doanh nghiệp. Nhiều trường hợp, lợi dụng lòng tin, sự thiếu hiểu biết của người tiêu dùng doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, hoặc cố tình đưa ra chỉ dẫn gây nhầm lẫn nhằm lừa bịp khách hàng để tối đa hóa lợi nhuận cho mình. Trong khi đó người tiêu dùng lại không có cơ sở để khiếu kiện do giao dịch hoàn toàn thiết lập một cách tự nguyện. Chính vì vậy, các chế tài của pháp luật cạnh tranh được thiết lập nhằm góp phần bảo vệ người tiêu dùng trước những hành vi không trung thực và không công bằng của các doanh nghiệp, đặt ra yêu cầu cần đảm bảo thông tin chính xác, đầy đủ về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, trừng phạt các biểu hiện không lành mạnh, đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền lợi chính đáng người tiêu dùng.

Góp phần tạo môi trường kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, công bằng.

Cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, công bằng là nội hàm của quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong thị trường tự do, các doanh nghiệp không chịu sự chi phối của bất kì cơ quan, tổ chức Nhà nước hay các doanh nghiệp khác. Quy luật kinh tế khách quan sẽ tự thân tác động và quyết định các quan hệ kinh tế, quyết định đến hoạt động doanh nghiệp. Chính vì vậy trên thị trường thực tế cũng nảy sinh những tiêu cực từ cạnh tranh, bằng các thủ đoạn bất chính các doanh nghiệp đã thực hiện hành vi xâm hại đến trật tự kinh doanh gây ra thiệt hại cho đối thủ cạnh tranh cũng như người tiêu dùng. Việc tạo lập các chế tài đã giúp loại trừ các hành vi trái với đạo đức kinh doanh, góp phần bảo vệ quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng và giúp đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2.3 Các dạng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh dù thực hiện dưới bất kì hình thức nào cũng đều gây thiệt hại cho các lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ và các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng. Một hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể bị áp dụng chế tài hành chính, chế tài hình sự hoặc cũng có thể áp dụng chế tài dân sự tùy theo từng trường hợp cụ thể mà pháp luật quy định.

Chế tài hành chính

Theo quan niệm truyền thống, trách nhiệm pháp lý được hiểu là phản ứng của Nhà nước đối với vi phạm pháp luật và vi phạm pháp luật chính là cơ sở của trách nhiệm pháp lý. Khái niệm trách nhiệm hành chính được xem xét theo nghĩa hẹp của trách nhiệm pháp lý. Trách nhiệm hành chính là hậu quả của vi phạm hành chính, thể hiện ở sự áp dụng bởi các cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền áp dụng chế tài hành chính đối với chủ thể vi phạm theo thủ tục do pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quy định.

Theo quy định của Luật Cạnh tranh Việt Nam, các hình thức chế tài xử lý vi phạm về cạnh tranh không lành mạnh chủ yếu là các chế tài hành chính, được quy định trong các quy phạm pháp luật mang tính xử phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra (Điều 117 Luật Cạnh tranh). Các hình thức xử lý đó đã được Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/07/2014 của Chính phủ quy định hướng dẫn Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh bao gồm:

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền tối đa đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh khác là 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức.

Các hình thức xử phạt bổ sung gồm: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm, bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

Ngoài ra, đối tượng vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính công khai.

Chế tài hình sự

Chế tài hình sự là một bộ phận của quy phạm pháp luật hình sự, quy định loại hình phạt và mức hình phạt đối với tội phạm. Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của loại tội phạm để quy định chế tài tương ứng. Bản chất của các chế tài hình sự là sự lên án của Nhà nước đối với người đã có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Mục đích của các hình phạt là trừng phạt người phạm tội, phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ trật tự xã hội, giáo dục ý thức pháp luật.

Mặc dù các quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm được quy định trong Luật Cạnh tranh Việt Nam 2004 không có chế tài hình sự. Tuy nhiên, nếu hành vi cạnh tranh không lành mạnh có cấu thành tội phạm thì vẫn sẽ bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS). Việc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật Việt Nam đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Chương XVI “*Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*” của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được biểu hiện dưới các tội danh như: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 158); tội lừa dối khách hàng (Điều 162); tội quảng cáo gian dối (Điều 168); tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171); tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán (Điều 181a); tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 181b); tội thao túng giá chứng khoán (Điều 181c).

Hình phạt áp dụng đối với các tội danh trên thường là phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn. Một số trường hợp bị áp dụng hình phạt rất nặng như tù chung thân hoặc tử hình. Ngoài ra, còn có thể áp dụng các biện pháp tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Chế tài dân sự

Pháp luật dân sự là luật chung điều chỉnh các quan hệ giao dịch và giải quyết các tranh chấp trên thị trường, pháp luật dân sự là nguồn quan trọng của pháp luật cạnh tranh. Những quy định của pháp luật dân sự đã hỗ trợ cho Luật Cạnh tranh trong việc điều chỉnh các quan hệ cạnh tranh và kiểm soát những hành vi phản cạnh tranh. Chế định bồi thường thiệt hại của pháp luật dân sự cũng là một trong những nguồn quan trọng của pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Theo đó, các doanh nghiệp bị thiệt hại từ hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại từ các quy định của pháp luật dân sự. Các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự đó là tự do, tự nguyện, thiện chí trong các giao dịch cũng chính là cơ sở để có thể đánh giá tính lành mạnh hay không lành mạnh của các hành vi cạnh tranh. Các bộ phận khác nhau của pháp luật dân sự như pháp luật thương mại, pháp luật sở hữu trí tuệ hay pháp luật bảo vệ người tiêu dùng đều là cơ sở để phát triển các quy định về cạnh tranh không lành mạnh.

Bồi thường thiệt hại là một chế định quan trọng trong các biện pháp chế tài dân sự áp dụng đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Chức năng của bồi thường thiệt hại là khôi phục, đền bù nhằm bù đắp những tổn thất về vật chất cũng như tinh thần mà bên mang quyền phải gánh chịu do hành vi vi phạm các quy tắc trong kinh doanh của bên kia gây ra. Pháp luật cạnh tranh Việt Nam cũng đã có những quy định mang tính chỉ dẫn đối với vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây ra. Theo Điều 6 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/07/2014 Quy định chi tiết Luật cạnh

tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh thì vấn đề bồi thường thiệt hại được dẫn chiếu thực hiện theo các quy định của pháp luật về dân sự. Vấn đề khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được áp dụng theo các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tại Chương XX của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 và pháp luật có liên quan.

Kết luận chương 1

Nghiên cứu pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thế giới cũng như ở Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi kinh doanh của các chủ thể tham gia nền kinh tế thị trường. Các quy định khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung và chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam hiện nay có thể đánh giá khái quát là tương đối phù hợp trong điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, để có thể đưa ra được những kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các quy định của chế tài về hành vi cạnh tranh không lành mạnh cần có sự tìm hiểu rõ hơn về thực trạng quy định pháp luật, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong đời sống hiện nay. Để từ đó có thể rút ra được những nhận xét, đánh giá ưu điểm và hạn chế của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam. Đây cũng chính là vấn đề được trình bày tại Chương 2 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1 Thực trạng quy định pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.1 Đối tượng áp dụng

Đối tượng bị áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh là các chủ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Cạnh tranh thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.

Căn cứ dựa theo Điều 2 Luật Cạnh tranh Việt Nam, và theo như phân tích ở mục 1.2.2.2 về chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đối tượng có thể bị áp dụng chế tài có thể là tổ chức, cá nhân kinh doanh như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; Hợp tác xã; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; hộ kinh doanh; cá nhân không có đăng ký kinh doanh như người bán hàng rong, làm dịch vụ có thu nhập thấp và Hiệp hội ngành nghề (Khoản 2 Điều 3 Luật Cạnh tranh) thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm.

Qua những phân tích trên có thể thấy đối tượng bị áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật Cạnh tranh Việt Nam vẫn còn những điểm chưa hợp lý. Cụ thể, các doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh trên thị trường bao gồm mọi tổ chức hay cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm lợi nhuận một cách thường xuyên và chuyên nghiệp vừa là chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh vừa là đối tượng có thể bị áp dụng chế tài. Những đối tượng còn lại như các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức của người tiêu dùng, các tổ chức phi kinh tế, các đơn vị truyền thông...

không phải là đối tượng bị áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Đôi khi trong thực tế lại có những phát sinh tình huống có những tổ chức phi kinh tế, các đơn vị truyền thông... lại thực hiện những hành vi xâm phạm đến quyền cạnh tranh lành mạnh của doanh nghiệp như tung tin không trung thực về doanh nghiệp cũng như về hàng hóa, dịch vụ. Các hoạt động này tuy liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp nhưng theo pháp luật hiện hành thì đây lại không phải là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Pháp luật điều chỉnh ở đây có thể là pháp luật dân sự hoặc cũng có thể là pháp luật báo chí hoặc thuộc lĩnh vực điều chỉnh của lĩnh vực pháp luật khác. Do vậy, nên chăng cần có sự mở rộng đối với phạm vi chủ thể thực hiện cũng như đối tượng áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh để pháp luật cạnh tranh có thể được bao quát được hết các chủ thể vi phạm trên thực tế còn tồn đọng hiện nay.

2.1.2 Các hình thức chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1.2.1 Chế tài hành chính

Theo quy định tại Điều 117 Luật Cạnh tranh và Điều 3 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP thì các hình thức chế tài xử lý vi phạm pháp luật về hành vi cạnh tranh nói chung cũng như các hình thức xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng bao gồm các hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả. Ngoài ra chủ thể chịu thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra còn có thể bị khởi kiện theo pháp luật dân sự để có thể yêu cầu chủ thể cạnh tranh vi phạm bồi thường thiệt hại.

Các hình thức xử phạt chính: Căn cứ theo Khoản 1 của Điều 117 Luật Cạnh tranh Việt Nam có quy định, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Tuy nhiên khi đi nghiên cứu sâu vào hình thức xử phạt các hành vi cụ thể của Luật Cạnh tranh cũng như Nghị định số 71/2014/NĐ-CP

quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh thì không thấy quy định nào áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Theo đó, hình thức xử phạt chính áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh chỉ có thể là hình thức phạt tiền và mức phạt tiền tối đa là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức theo Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP.

Về nguyên tắc xác định mức tiền phạt tiền đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định trong Nghị định số 71/2014/NĐ-CP tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 theo đó: Mức tiền phạt quy định tại Mục 4 Chương II của Nghị định đối với hành vi vi phạm quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh là mức áp dụng đối với hành vi vi phạm do tổ chức thực hiện, đối với cá nhân có cùng hành vi vi phạm thì mức tiền phạt đối với cá nhân được áp dụng sẽ bằng một phần hai mức tiền phạt đối với tổ chức. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt, mức tiền phạt xác định theo quy định được điều chỉnh giảm hoặc tăng tương ứng 15%. Tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết giảm nhẹ được quy định hướng dẫn tại Điều 85 của Nghị định số 116/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh. Theo đó, tình tiết giảm nhẹ bao gồm: *“Tự nguyện khai báo về hành vi vi phạm trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện; đối tượng vi phạm đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của hành vi vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; đối tượng vi phạm tự nguyện cung cấp chứng từ, thông tin liên quan đến hành vi vi phạm mà cơ quan có thẩm quyền trước đó chưa biết;*

tác động tích cực của hành vi vi phạm đối với việc phát triển nền kinh tế”. Tình tiết tăng nặng bao gồm: “*Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực; thực hiện hành vi vi phạm sau khi nhận được quyết định không chấp thuận được hưởng miễn trừ hoặc quyết định bãi bỏ quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền; tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó; sau khi thực hiện hành vi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm”.*

Cách thức quy định về mức phạt tiền đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh như vậy là giống với cách thức quy định về mức phạt tiền trong các lĩnh vực pháp luật khác, đó là cách thức truyền thống, cách quy định theo khung tiền phạt đã được định trước. Cách tiếp cận này có ưu điểm là dễ dàng áp dụng trên thực tế, tuy nhiên nhược điểm là khung phạt tiền sẽ nhanh chóng lạc hậu theo thời gian và dần sẽ không có lực tác dụng răn đe đối với đối tượng có hành vi vi phạm, tính hiệu lực tồn tại văn bản sẽ thấp hơn.

Các hình thức xử phạt bổ sung: Ngoài bị phạt tiền, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại Nghị định số 71/2014/NĐ-CP. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm đối với tất cả các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trừ hành vi phân biệt đối xử của hiệp hội là hành vi do hiệp hội ngành nghề thực hiện. Ngoài ra đối với riêng hành vi vi phạm quy định về bán hàng đa cấp còn bổ sung thêm chế tài xử phạt bổ sung là thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp mà đã có đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Các quy định về hình thức xử phạt bổ sung trong Nghị định số 71/2014/NĐ-CP là sự thay thế tiếp nối và mở rộng hơn về hình thức xử phạt đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh so với Nghị định số

120/2005/NĐ-CP để phù hợp hơn với tình hình kinh tế - xã hội phát triển của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn một vấn đề được đặt ra đó là trong cả hai văn bản đều chưa đề cập đến việc quy định cách thức xác định khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

Các biện pháp khắc phục hậu quả: Pháp luật cạnh tranh chỉ quy định biện pháp khắc phục hậu quả duy nhất là buộc cải chính công khai đối với các chủ thể thực hiện từng hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhất định. Biện pháp này được áp dụng nhằm đưa tình trạng cạnh tranh từ chỗ bị làm sai lệch bởi các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trở về gần nhất với trạng thái ban đầu. Theo quy định tại Nghị định số 71/2014/NĐ-CP thì các hành vi cạnh tranh bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả gồm: Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp; hành vi gièm pha doanh nghiệp khác; hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác; hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh; hành vi khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh; hành vi vi phạm quy định về bán hàng đa cấp.

2.1.2.2 *Chế tài hình sự*

Chế tài hình sự là một bộ phận của quy phạm pháp luật hình sự, quy định loại hình phạt và mức hình phạt đối với tội phạm, trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của loại tội phạm để quy định chế tài tương ứng. Sự kiện pháp lý làm xuất hiện trách nhiệm hình sự là việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà pháp luật quy định là tội phạm. Trách nhiệm hình sự mà người tội phạm phải gánh chịu trách nhiệm trước Nhà nước, người phạm tội do có lỗi khi thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội nên Nhà nước áp dụng biện pháp có tính cưỡng chế được quy định trong Luật hình sự với họ.

Cơ sở của trách nhiệm hình sự là cấu thành tội phạm. Điều 2 Bộ luật Hình sự Việt Nam quy định: “*Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*” [29, Điều 2]. Mặc dù

các quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm được quy định trong Luật Cảnh tranh Việt Nam năm 2004 không có chế tài hình sự. Tuy nhiên theo luận giải trên, nếu hành vi cạnh tranh không lành mạnh có cấu thành tội phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Chương XVI “*Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*” của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 được biểu hiện dưới các tội danh: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 156); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 158); tội lừa dối khách hàng (Điều 162); tội quảng cáo gian dối (Điều 168); tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171); tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán (Điều 181a); tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 181b); tội thao túng giá chứng khoán (Điều 181c).

Hình phạt áp dụng đối với các tội danh trên thường là phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn, ngoài ra còn áp dụng các biện pháp tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Với mức phạt tiền cao nhất là tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp với số tiền phạt từ bốn trăm triệu đồng đến một tỷ đồng khi người phạm tội có một trong các trường hợp “*có tổ chức hoặc phạm tội nhiều lần*”. Đối với các tội danh như: Tội sản xuất, buôn bán hàng giả; tội sản xuất buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh; tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi; tội lừa dối khách hàng; tội quảng cáo gian dối thì khung mức phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Các tội danh cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật trong hoạt động chứng khoán; tội sử dụng thông tin nội bộ để

mua bán chứng khoán; tội thao túng giá chứng khoán thì khung mức phạt tiền cho các tội danh này từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.

Bên cạnh việc áp dụng khung mức phạt tiền, BLHS còn áp dụng chế tài cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đối với tất cả các tội danh. Ví dụ như tội sản xuất, buôn bán hàng giả phạt tù từ ba năm đến mười năm khi tội phạm thuộc một trong các trường hợp “*có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; tái phạm nguy hiểm; lợi dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ một trăm năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng; thu lợi bất chính lớn; gây hậu quả rất nghiêm trọng*”, phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm đối với các trường hợp “*hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên; thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn; gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” [29, Điều 156]. Đặc biệt, tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh còn áp dụng hình phạt rất nặng là tù chung thân hoặc tử hình đối với “*phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*” [29, Điều 157].

Một điểm rất mới trong dự thảo Bộ luật Hình sự 2015 là đã có quy định riêng, cụ thể về tội vi phạm quy định về cạnh tranh với mức xử phạt tù lên tới 05 năm, và mức xử phạt tiền cao nhất lên tới 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 02 năm dành cho pháp nhân thương mại.

2.1.2.3 Chế tài dân sự

Bồi thường thiệt hại là một chế định quan trọng trong các biện pháp chế tài dân sự áp dụng đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Luật Cạnh tranh Việt Nam có quy định việc xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bao gồm cả xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Mục 8, Chương V của Luật. Tuy nhiên, vấn đề bồi thường dân sự không được quy định cụ thể mà chỉ viện dẫn: “*Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức,*

cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật” [32, Điều 117]. Như vậy, khi áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại, phải dẫn chiếu đến pháp luật dân sự.

Vấn đề khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được áp dụng theo các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định tại Chương XX của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo khoản 1 Điều 584 BLDS 2015 có quy định: *“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Như vậy, căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là *“hành vi xâm phạm của người gây thiệt hại”*. Theo đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có các điều kiện:

- *Có thiệt hại xảy ra*: Thiệt hại là một yếu tố cấu thành trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại chỉ phát sinh khi có sự thiệt hại về tài sản hoặc sự thiệt hại về tinh thần.
- *Hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật*: Hành vi trái pháp luật trong trách nhiệm dân sự là những xử sự cụ thể của chủ thể được thể hiện thông qua hành động hoặc không hành động xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, bao gồm: Làm những việc mà pháp luật cấm, không làm những việc mà pháp luật buộc phải làm, thực hiện vượt quá giới hạn pháp luật cho phép hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ mà pháp luật quy định.
- *Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra*: Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt

hại. Hành vi trái pháp luật sẽ là nguyên nhân của thiệt hại nếu giữa hành vi đó và thiệt hại có mối quan hệ tất yếu có tính quy luật chứ không phải ngẫu nhiên.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại các Điều 360 và Điều 361 BLDS 2015 “*Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại*”, thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra bao gồm những thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể.

Yêu cầu bồi thường thiệt hại là một quyền mặc định được pháp luật thừa nhận, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các chủ thể kinh doanh. Vì vậy, chế tài bồi thường thiệt hại có thể áp dụng đồng thời với các chủ thể khác.

2.1.3 Thẩm quyền xử lý

Căn cứ vào Điều d Khoản 2 Điều 49 Luật Cạnh tranh và Điều 40 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP, thẩm quyền xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc về cơ quan Quản lý cạnh tranh (Cục Quản lý cạnh tranh). Cục Quản lý cạnh tranh là cơ quan do Chính phủ thành lập trong hệ thống tổ chức của Bộ Công Thương, có chức năng chính là giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam được quy định trong Nghị định số 06/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/01/2006 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh. Theo đó, Cục QLCT là cơ quan có chức năng tiến hành điều tra, xử lý các hành vi cạnh

tranh không lành mạnh được quy định trong Luật Cạnh tranh, cụ thể đó là các hành vi được quy định từ Điều 40 đến Điều 48 trong Luật Cạnh tranh.

Đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh mặc dù thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng lại không nằm trong danh sách các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được liệt kê theo Luật Cạnh tranh mà được quy định trong một số văn bản pháp luật chuyên ngành ra đời sau và mang tính đặc thù của ngành như bưu chính viễn thông, ngân hàng, chứng khoán... thì thẩm quyền xử lý theo quy định sẽ thuộc về cơ quan thanh tra chuyên ngành của ngành đó, ví dụ như hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực viễn thông được quy định trong Nghị định số 174/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

2.2 Thực trạng áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

Trong năm 2015, công tác điều tra và xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã có những bước tiến so với năm 2014, số lượng vụ việc liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh điều tra và xử lý năm 2015 tăng cao so với năm 2014. Tính đến ngày 31/12/2015 Cục Quản lý cạnh tranh đã tiến hành điều tra tố 46 vụ việc liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh, qua đó khởi xướng điều tra 28 vụ việc đồng thời hoàn thành điều tra và ban hành quyết định xử lý đối với 02 vụ việc khởi xướng từ năm 2014.

Trong số 28 vụ việc khởi xướng điều tra trong năm 2015, Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh đã ban hành quyết định xử lý đối với 21 vụ việc, 07 vụ đang trong quá trình tiếp tục điều tra và xử lý năm 2016.

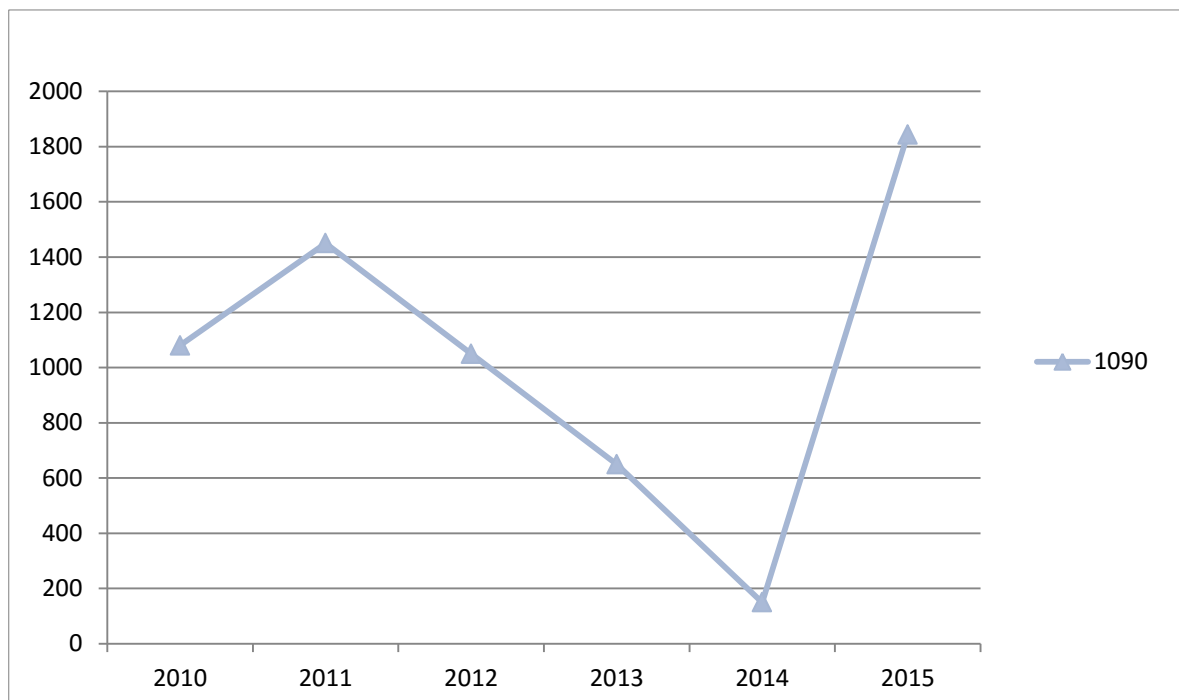
Bảng 2.1 :Bảng thống kê điều tra vụ việc cạnh tranh không lành mạnh

Các loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh	5	20	33	37	2	6	24
Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh	2	2					
Gièm pha doanh nghiệp khác	4	1	2				
Chỉ dẫn gây nhầm lẫn		1				1	
Bán hàng đa cấp bất chính	3	4	1	3	1		4
Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác				1			
Tổng số	14	28	36	41	3	7	28

Nguồn: [6, tr.12]

Do mức tiền phạt quy định tại Nghị định số 71/2014/NĐ-CP tăng cao hơn so với quy định tại Nghị định số 120/2005/NĐ-CP nên số tiền phạt thu về ngân sách Nhà nước năm 2015 cao hơn nhiều so với các năm trước đó với tổng số tiền là 1.843.500.000 đồng [15].

Bảng 2.2: Biểu đồ thể hiện số tiền phạt từ các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh qua các năm



Nguồn: [4, tr.14]

Các loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh được khởi xướng điều tra trong năm 2015 chủ yếu là: Quảng cáo đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn, quảng cáo so sánh trực tiếp, bán hàng đa cấp bất chính. Trong số đó, hành vi quảng cáo đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn chiếm số lượng vụ việc điều tra lớn nhất là 24 vụ việc [40]. Bên cạnh đó, tính chất hành vi vi phạm được điều tra, xử lý cũng có tính chất tinh vi và phức tạp hơn. Số lượng các vụ án phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian điều tra, xử lý cũng ngày một tăng lên. Ví dụ vụ việc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) thương mại Á Nguyên với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sprayway-TPR kéo dài vụ việc điều tra qua 2 năm. Năm 2014, Công ty TNHH Thương mại Á Nguyên đã tổ chức buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và mời nhiều khách hàng tham dự. Tại buổi hội thảo thuyết trình viên của Công ty đã làm thí nghiệm qua đó so sánh trực tiếp sản phẩm của Công ty mình với sản

phẩm của Công ty TNHH Sprayway-TPR có chứa chất độc hại, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe. Công ty TNHH Sprayway-TPR đã thu thập các đoạn phim quay tại hội thảo và khiếu nại lên Cục QLCT. Trải qua quá trình điều tra, xác minh chứng cứ, xác định hành vi từ năm 2014 đến 2015, Cục QLCT mới đưa ra kết luận Công ty TNHH Thương mại Á Nguyên đã có hành vi so sánh trực tiếp sản phẩm của mình với sản phẩm cùng loại của Công ty TNHH Sprayway-TPR vi phạm tại khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh. Cục QLCT đã xử phạt Công ty TNHH Thương mại Á Nguyên về hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh dưới hình thức quảng cáo so sánh trực tiếp [6, tr.13].

Trong năm 2016 Cục Quản lý Cạnh tranh cũng thực hiện hàng loạt xử phạt đối với nhiều công ty bán hàng đa cấp, 14 công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, 11 doanh nghiệp tạm ngừng và chấm dứt hoạt động. Hiện số doanh nghiệp hoạt động giảm từ 67 công ty trong năm 2015 xuống còn 40 doanh nghiệp hoạt động trong năm 2016. Số người tham gia bán hàng đa cấp giảm còn khoảng 500.000 người, giảm 57% so với cùng kỳ năm 2015 là khoảng 1,2 triệu người. Đầu năm 2017 Cục Quản lý Cạnh tranh (Bộ Công Thương) cũng thực hiện chấm dứt hoạt động kinh doanh của hai doanh nghiệp đa cấp là Công ty TNHH Triwonder International và Công ty TNHH Isagenix Việt Nam vì lý do công ty này không triển khai hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp [27].

Bên cạnh việc điều tra, xử lý áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh không lành mạnh, thì công tác quản lý, đào tạo cũng được Cục triển khai quan tâm một cách đồng bộ đặc biệt là trong quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Năm 2015 Cục Quản lý cạnh tranh đã triển khai đồng bộ toàn diện các hoạt động giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao tại Nghị định số

42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Thẩm định và cấp mới, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho 50 doanh nghiệp, cấp 5.471 Chứng chỉ Đào tạo viên bán hàng đa cấp, tổ chức với các Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội kiểm tra việc chấp hành pháp luật bán hàng đa cấp đối với hơn 40 doanh nghiệp, tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật kiến thức về bán hàng đa cấp [6, tr.13].

2.3 Đánh giá chung

2.3.1 Những ưu điểm của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

- Pháp luật cạnh tranh nói chung và pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng tương đối toàn diện

Trong sự phát triển không ngừng của nền kinh tế với sự ra đời và hoạt động của hàng loạt các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề với đủ mẫu mã hàng hóa, đa dạng loại hình dịch vụ luôn cạnh tranh với nhau nhằm thu hút người tiêu dùng. Bên cạnh việc cạnh tranh một cách lành mạnh, công bằng thì cũng xuất hiện nhiều hành vi thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh với đủ phương thức thủ đoạn tinh vi, rất khó phát hiện và phát triển không ngừng. Vì vậy, việc có thể bao quát được hết tất cả các hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể xảy ra trên thị trường dường như là điều không thể và việc bao quát hành vi cũng chỉ có thể mang tính tương đối. Do đó, phạm vi của khái niệm cạnh tranh không lành mạnh phải luôn được bổ sung cho phù hợp với sự thay đổi và phát triển của thị trường. Luật Cạnh tranh 2004 đã liệt kê 9 loại hành vi cạnh tranh bị coi là không lành mạnh và quy định cấu thành pháp lý của chúng cũng như đã có những quy định về các biện pháp chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành như biện pháp dân sự, biện pháp hành chính và biện pháp hình sự khá đầy đủ và chi tiết, bao gồm: Chế tài đối với từng hành vi cạnh tranh không lành mạnh cụ thể cũng như trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử

lý và các hình thức xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Nghị định số 71/2014/NĐ-CP. Ngoài ra, tại Khoản 10 Điều 39 Luật Cạnh tranh còn có quy định mở: *“Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác theo tiêu chí xác định tại Khoản 4 Điều 3 của Luật này do Chính phủ quy định”* để pháp luật có biện pháp ngăn chặn, xử lý thích hợp trong trường hợp thực tiễn thương mại xuất hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh mới. Quy định này là phù hợp với yêu cầu của thị trường, mở đường cho các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh mới phát sinh trên thực tiễn.

- Pháp luật cạnh tranh nói chung và pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng bước đầu có sự tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế

Luật Cạnh tranh được xây dựng nhằm phục vụ quá trình Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế đặc biệt là tiêu chuẩn của WTO là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của Việt Nam về cơ bản có sự phù hợp với quy định về khái niệm chung và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cụ thể tại Điều 10bis Công ước Paris. Chế định cạnh tranh không lành mạnh được các nước quy định không hoàn toàn theo một xu hướng chung bao gồm cả chế định chế tài. Hầu hết các nước như Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản... cũng đều luật hóa một số dạng hành vi cạnh tranh không lành mạnh điển hình, dựa trên cơ sở các khuyến nghị tại Điều 10bis Công ước Paris về Bảo hộ Sở hữu công nghiệp và lấy đó làm cơ sở cho việc thực thi pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh. Luật Cạnh tranh 2004 cũng tiếp cận tương tự, tức là ngoài việc đưa ra khái niệm về hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn liệt kê và mô tả từng hành vi bị coi là cạnh tranh không lành mạnh. Tùy thuộc vào quan điểm điều tiết thị trường từng quốc gia, từng thời kì thì các hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể nhiều hay ít. Với

cách tiếp cận này một mặt khiến cho các quy định được trở nên rõ ràng, dễ áp dụng nhưng mặt khác nó cũng trở nên cứng nhắc và gây khó khăn cho cơ quan thực thi trong việc điều chỉnh cũng như sự thay đổi điều kiện kinh tế xã hội.

- Chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang tính đa dạng

Chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh bao gồm hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Pháp luật quy định mỗi hành vi cạnh tranh không lành mạnh trước tiên phải chịu hình thức xử phạt chính bao gồm phạt tiền và phạt cảnh cáo. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả thì rất đa dạng tùy theo tính chất của từng hành vi mà pháp luật quy định biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

Đối với mỗi hành vi vi phạm, pháp luật cạnh tranh cũng quy định có thể áp dụng đồng thời cả hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Ngoài ra chủ thể vi phạm còn có thể phải bồi thường thiệt hại theo pháp luật dân sự, trong trường hợp hành vi cạnh tranh không lành mạnh đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự thì còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, có nhiều biện pháp có thể áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh, việc quy định một cách đa dạng các biện pháp chế tài giúp cho cơ quan xử lý có thể lựa chọn những biện pháp phù hợp để áp dụng trong từng vụ việc cụ thể đồng thời còn đảm bảo đạt được các mục đích khác nhau của việc áp dụng chế tài.

- Chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang tính cụ thể

Phạt tiền là hình thức xử phạt hành chính được áp dụng phổ biến trong nhiều ngành luật, đặc biệt trong xử phạt vi phạm hành chính. Theo Luật Cạnh tranh Việt Nam hình thức phạt tiền đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh được áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành

chính, mức phạt được ấn định theo khung phạt tiền tối đa hoặc tiêu thiểu đối với từng hành vi cụ thể. Cách tiếp cận này có ưu điểm dễ dàng áp dụng trên thực tế và thuận tiện cho cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm, nhưng cũng có mặt hạn chế là tính áp dụng lâu dài kém do khung tiền phạt dễ bị lỗi thời, chưa đủ sức răn đe tới các chủ thể vi phạm.

2.3.2 Hạn chế của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam

Thứ nhất, các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong Luật Cạnh tranh hầu như còn mang nặng tính chế tài xử phạt hành chính.

Các quy định hiện hành của Luật Cạnh tranh, trong đó có chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn nặng về quản lý hành chính, đảm bảo trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, chứ chưa thật sự nhằm mục đích xây dựng một môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh và có cơ chế đảm bảo thực hiện. Các chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh chủ yếu là chế tài hành chính như xử phạt vi phạm và một số chế tài bổ sung. Chế tài bồi thường thiệt hại chưa được quy định một cách cụ thể trong Luật Cạnh tranh và cũng không có sự viện dẫn rõ ràng về việc áp dụng cụ thể văn bản pháp luật nào. Để cụ thể hóa quy định tại Điều 117 của Luật Cạnh tranh liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Điều 6 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, tuy đã có quy định nhưng quy định đó cũng chỉ mang tính chung chung có sự dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật dân sự. Luật Cạnh tranh là văn bản pháp luật mang tính nguyên tắc, nhưng chế tài bồi thường dân sự lại không được quy định cụ thể, vì thế trong quá trình thực hiện sẽ rất khó đạt được sự thống nhất.

Thứ hai, chế tài còn lỏng lẻo, mức xử phạt đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn thấp, chưa đủ sức răn đe.

Theo quy định của Nghị định số 71/2014/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, mức phạt tiền cao nhất đối với các hành vi

cạnh tranh không lành mạnh là 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức, bất kể quy mô hay doanh thu của tổ chức. Ngoài ra, có thể áp dụng một số hình thức phạt bổ sung khác hoặc biện pháp khắc phục hậu quả. Như vậy, so với những khoản thu được từ thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì mức phạt đó không đáng kể. Nhiều doanh nghiệp mặc dù nắm rõ pháp luật nhưng vẫn cố tình vi phạm nhằm đạt được mục tiêu Marketing của mình. Nghịch lý nữa là một khi các doanh nghiệp bị kiện hoặc điều tra về các vi phạm về cạnh tranh, các hệ thống thông tin đại chúng thường được lôi vào cuộc. Cùng với việc rầm rộ đưa tin, thương hiệu và thông tin về sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp bị kiện xuất hiện khắp mọi nơi, người tiêu dùng tăng mức độ nhận diện thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp bị kiện. Lợi ích cho việc Marketing dưới hình thức này thường áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp có hành vi quảng cáo so sánh hoặc bắt chước. Trong khi đó, số tiền phạt hành chính theo Điều 33 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP phạt tiền từ 60 triệu đồng đến 80 triệu đồng và phạt bổ sung như tịch thu lợi nhuận từ việc hành vi vi phạm, cải chính công khai chưa đủ răn đe và thấp hơn rất nhiều so với chi phí Marketing doanh nghiệp có thể tiết kiệm được.

Những năm gần đây, tình trạng sản xuất lưu thông hàng giả, vi phạm bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi, nguồn gốc xuất xứ... ngày một xu hướng tăng mạnh, và hành vi thực hiện ngày một tinh vi hơn. Vấn nạn hàng giả, hàng nhái rất khó có thể giải quyết vì sự chông chéo, thiếu đồng bộ từ chính sách phòng chống và quy định của pháp luật còn lỏng lẻo. Pháp luật quy định làm hàng giả thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng định nghĩa thế nào là hàng giả cũng chưa hoàn toàn thống nhất. Chế tài thiếu nghiêm khắc đã vô hình hậu thuẫn cho các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.

Tại một số nước phát triển, chế tài xử phạt hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể bị áp dụng chế tài hình sự với mức phạt khá nặng đơn cử như tại Mỹ, các vi phạm nhãn hiệu hàng hóa có thể bị phạt tới 2 triệu USD và phạt tù từ 5 đến 10 năm, ăn cắp bí mật thương mại có thể bị phạt 5 triệu USD và 10 năm tù...[44]. Trong khi tại Việt Nam các vi phạm chỉ dừng mới mức phạt hành chính, chế tài chưa thật sự đủ răn đe, vấn đề bồi thường thiệt hại, các khía cạnh hình sự, dân sự khác cũng rất khó xử lý.

Thứ ba, sự không thống nhất về mức phạt giữa các quy định pháp luật đối với cùng một hành vi vi phạm

Sự trùng lặp các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở những lĩnh vực pháp luật khác nhau, cùng mới mức xử phạt khác nhau cũng dẫn tới sự không thống nhất trong các quy định của pháp luật, gây khó khăn cho quá trình triển khai cũng như việc căn cứ văn bản pháp luật để áp dụng chế tài. Ví dụ, cùng xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp, trong Nghị định số 71/2014/NĐ-CP thì áp dụng biện pháp phạt tiền từ 10 đến 100 triệu đồng, nhưng theo Điều 14 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực Sở hữu công nghiệp thì lại áp dụng mức phạt có thể tối đa lên đến 250 triệu đồng. Vấn đề này là do Nghị định số 99/2013/NĐ-CP quy định mức phạt tiền theo giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm càng cao thì mức phạt tiền sẽ càng cao. Còn Nghị định số 71/2014/NĐ-CP không quy định mức phạt tiền theo giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm mà căn cứ vào loại hàng hóa để nâng cao mức phạt tiền. Do vậy, nếu là hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp thì xử lý theo Luật Cạnh tranh sẽ chịu mức phạt thấp hơn so với xử lý theo Nghị định số 99/2013/NĐ-CP. Sự khác biệt về khung xử phạt và mức phạt có thể tạo nên sự thiếu công bằng khi áp dụng các văn bản pháp luật khác nhau để xử lý cùng một hành vi có mức độ như nhau. Do đó, vấn đề cần giải quyết là phải có được sự thống nhất giữa

các lĩnh vực pháp luật khác nhau khi xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Thứ tư, Cục Quản lý cạnh tranh đang phải thực hiện nhiều nhiệm vụ theo quy định của pháp luật

Xem xét cơ cấu và tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh tại Nghị định số 06/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh thì ngoài mục đích thực thi Luật Cạnh tranh, Cục Quản lý cạnh tranh còn thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp, áp dụng các biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã chiếm đa số so với chức năng ban đầu được quy định trong Luật Cạnh tranh. Việc một cơ quan đảm nhận thực thi nhiều nhiệm vụ trên thực tế khó đạt được hiệu quả, không tạo lập được một quá trình chuyên môn hóa.

Thứ năm, việc thực hiện biện pháp bồi thường thiệt hại tương đối phức tạp, mất thời gian nên dẫn tới tình trạng ngại khiếu kiện, gây nên hệ quả không có kiện để áp dụng chế tài

Theo Luật Cạnh tranh thì doanh nghiệp, cá nhân có hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng có thể phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, Luật Cạnh tranh 2004 không giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại mà quy định “*tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật*” [32, Điều 117].

Như vậy, các yêu cầu về bồi thường thiệt hại trong các vụ việc cạnh tranh sẽ được giải quyết thông qua thủ tục dân sự và cơ quan giải quyết là Tòa án. Song, hiện nay, Việt Nam chưa có Tòa án chuyên trách về cạnh tranh. Việc giải quyết bồi thường thiệt hại là một thủ tục dân sự, cần phải được giải quyết tại Tòa Dân sự. Tuy nhiên, việc xem xét lại quyết định của một cơ quan quản lý Nhà

nước như cơ quan quản lý cạnh tranh lại thuộc thẩm quyền của Tòa Hành chính. Do vậy, biện pháp bồi thường thiệt hại hiện nay tương đối phức tạp, mất thời gian.

Thứ sáu, mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành

Các quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh không chỉ được nêu trong Luật Cạnh tranh mà còn xuất hiện trong nhiều văn bản pháp luật khác. Chính sự quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau này nên có thể gây ra hệ lụy là cùng một hành vi sẽ có nhiều cơ quan có thẩm quyền cũng như nhiều biện pháp chế tài để xử lý khác nhau. Chẳng hạn như hành vi quảng cáo gian dối có thể xử lý về mặt hành chính theo các văn bản pháp luật về quảng cáo, hành vi chỉ dẫn thương mại có thể được xử lý theo quy định của pháp luật thương mại. Luật Cạnh tranh đã xây dựng tổ tụng cạnh tranh để xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh với quy định điều tra, xử lý đặc thù cho các vụ việc cạnh tranh. Trong các lĩnh vực pháp luật khác như pháp luật quảng cáo, khuyến mại, quản lý bán hàng đa cấp... hành vi cạnh tranh không lành mạnh được nhìn nhận như một dạng vi phạm về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực này nên thủ tục áp dụng để xử lý là thủ tục xử lý vi phạm hành chính thông thường. Tương ứng với các thủ tục này là thẩm quyền xử lý sẽ thuộc các cơ quan quản lý chuyên ngành. Sự đa dạng về thủ tục và cơ quan thẩm quyền xử lý mặt tích cực là tạo nhiều khả năng lựa chọn cho những chủ thể có liên quan bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình trước những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, song cũng có mặt hạn chế là rất dễ gây ra những hệ quả bất lợi khi các cơ quan khác nhau có những quan điểm áp dụng chế tài khác nhau cho cùng một hành vi quy định trong nhiều lĩnh vực pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau giữa các cơ quan thực thi pháp luật trước những vụ việc khó khăn trong điều tra, xử lý. Chính những mặt hạn chế còn tồn đọng đó sẽ

có những ảnh hưởng không tốt đối với tính thống nhất của pháp luật, ảnh hưởng đến tính thực thi và niềm tin của doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng đối với khả năng quản lý của Nhà nước.

Kết luận chương 2

Qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như thực trạng xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam những năm gần đây, có thể thấy những quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở nước ta đã bắt đầu phát huy tác dụng nhất định, từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng bộc lộ nhiều hạn chế như các quy định về chế tài hầu hết còn mang nặng tính chế tài xử phạt hành chính, chưa chú trọng tới các chế tài xử phạt khác, bất cập do quá trình lập pháp chưa theo kịp với diễn biến của thị trường, dẫn tới tình trạng các hành vi không ngừng nảy sinh với những phương thức, thủ đoạn ngày một tinh vi và khó phát hiện hơn hay mức xử phạt các hành vi đã dần trở nên lỗi thời, không còn đáp ứng tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật. Việc bổ sung, thay đổi các nội dung pháp luật để có thể phù hợp với tình hình thực tiễn đã trở thành một yêu cầu cấp bách để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Với những hạn chế nhất định đã được chỉ ra ở Chương 2, ở Chương 3 của Luận văn tác giả hướng tới nêu lên một số kiến nghị sửa đổi, đề xuất cụ thể để khắc phục những bất cập của pháp luật hiện hành.

Chương 3

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

3.1 Các yêu cầu hoàn thiện pháp luật

Trải qua hơn 10 năm đi vào cuộc sống, Luật Cạnh tranh 2004 nói chung hay các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng đã thể hiện được vai trò cũng như tầm quan trọng của mình trong đời sống kinh doanh, là công cụ pháp lý để giúp các doanh nghiệp tự bảo vệ mình cũng như Nhà nước dùng nó để quản lý hoạt động cạnh tranh trên thị trường, tạo một môi trường kinh doanh ổn định, công bằng và cạnh tranh một cách lành mạnh. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được thì vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế như đã phân tích tại Chương 2. Các hạn chế bộc lộ ở nhiều quy định, nhiều góc độ khác nhau của pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh, do đó trong quá trình khắc phục cần tuân thủ những nguyên tắc nhất định để có thể đảm bảo tính thống nhất trong quy định của pháp luật. Dưới đây là một số yêu cầu cần được quán triệt trong quá trình hoàn thiện quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong pháp luật cạnh tranh Việt Nam.

3.1.1 Hoàn thiện chế tài đi đôi với hoàn thiện các quy định về điều chỉnh hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Một trong những đặc điểm quan trọng của chế tài nói chung là chế tài gắn liền với giả định và quy định trong một quy phạm pháp luật. Chế tài phải được xây dựng trên cơ sở của giả định và quy định. Chính vì vậy việc sửa đổi, hoàn thiện các quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải thực hiện đồng thời với việc hoàn thiện giả định và quy định trong quy phạm pháp luật tương ứng. Nếu chế tài đối với hành vi cạnh tranh không

lành mạnh được hiểu là các biện pháp có thể được áp dụng với chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì giả định và quy định trong quy phạm pháp luật tương ứng chính là các quy định nêu ra các hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh và cách thức điều chỉnh đối với các hành vi đó.

Hoàn thiện các quy định về việc điều chỉnh hành vi trong cạnh tranh không lành mạnh sẽ tạo nên được một nền tảng pháp lý vững chắc để có thể xây dựng biện pháp chế tài thật sự phù hợp. Sự thống nhất giữa nội dung quy định với chế tài giúp cho pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh mang tính toàn diện và đạt được tính ổn định lâu dài.

3.1.2 Bảo đảm pháp luật cạnh tranh ngày càng phù hợp hơn với thông lệ quốc tế

Pháp luật cạnh tranh được hình thành từ những năm cuối thế kỷ 19 và trở nên phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, Luật Cạnh tranh mới chỉ ra đời năm 2004 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2005. Chính vì vậy, pháp luật cạnh tranh Việt Nam nói chung và pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh còn rất non trẻ và còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập dẫn đến hiệu quả điều chỉnh còn chưa cao trên thực tế. Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc các quốc gia cần tuân theo các thông lệ chung và thể chế hóa nội luật hóa vào hệ thống pháp luật của mình là một yêu cầu tất yếu phục vụ cho quá trình hội nhập. Không nằm ngoài quy luật đó, Việt Nam cũng đang xây dựng hệ thống pháp luật ngày càng tiệm cận hơn với thông lệ quốc tế. Chính vì vậy, pháp luật cạnh tranh hay cụ thể hơn là pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh cần phải được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng tiếp cận gần hơn với các thông lệ quốc tế cũng như hệ thống pháp luật các quốc gia có nền pháp luật cạnh tranh tiên tiến phát triển.

3.1.3 Bảo đảm sự thống nhất, tương thích giữa Luật Cạnh tranh với các Luật có liên quan

Nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật là một trong những nguyên tắc cơ bản trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật cạnh tranh. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được các nhà làm luật xây dựng dưới dạng các quy phạm cấm đoán, sử dụng dấu hiệu hành vi để gọi tên. Do đó để có thể áp dụng được và hiệu quả cần có sự phối hợp với các luật liên quan. Các quy định của pháp luật cạnh tranh nói chung, chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ với các chế định pháp luật khác như Luật Thương mại, Luật Quảng cáo, Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ.... Sự không tương thích sẽ gây nên nhiều khó khăn trong quá trình thực thi pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Vì vậy, yêu cầu đảm bảo tính tương thích, đồng bộ trong quá trình hoàn thiện pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh luôn luôn được đặt ra. Điều này giúp đảm bảo cho sự thống nhất trong quá trình thực thi pháp luật, tránh gây ra mâu thuẫn giữa các cơ quan thực thi trong quá trình giải quyết với nhau.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.2.1 Mở rộng chủ thể bị áp dụng biện pháp chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thông thường pháp luật cạnh tranh tác động đến tất cả các chủ thể tham gia thị trường tiến hành các hoạt động với mục đích kinh doanh khi hành vi của họ có dấu hiệu không lành mạnh. Điều 2 Luật Cạnh tranh 2004 có quy định đối tượng áp dụng bao gồm: “*các tổ chức, cá nhân kinh doanh (Được gọi chung là doanh nghiệp) và các hiệp hội ngành nghề*”. Tuy nhiên khái niệm doanh nghiệp ở trên mới chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp, nhiều nhóm chủ thể khác cũng tham gia thị trường đã bị bỏ sót. Các văn phòng đại diện và chi

nhánh của thương nhân ở nước ngoài tại Việt Nam, nếu hoạt động của chúng (không phải là kinh doanh) ảnh hưởng tiêu cực tới cạnh tranh thì cũng phải chịu sự điều chỉnh của Luật. Đó là chưa kể các loại hình “*bán kinh doanh*” như nhà in, nhà xuất bản, tạp chí, báo chưa được coi là doanh nghiệp theo cách hiểu Luật Cạnh tranh. Do đó nếu những chủ thể này thực hiện hành vi cạnh tranh có thể được coi là cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của văn bản pháp luật đối với chủ thể đó, thuộc ngành nghề đó, bởi vì không thỏa mãn yếu tố chủ thể theo quy định của Luật Cạnh tranh đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Liên quan tới trách nhiệm cá nhân, theo một truyền thống chung của pháp luật cạnh tranh, một số quốc gia còn mở rộng phạm vi đối tượng chịu trách nhiệm pháp lý về vi phạm đến các cá nhân là lãnh đạo doanh nghiệp và không loại trừ các chế tài mang tính chất hình sự. Pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh không chỉ điều chỉnh các hành vi của các chủ thể kinh doanh mà còn phải điều chỉnh cả những hành vi của những cá nhân, tổ chức, cơ quan không phải chủ thể kinh doanh, nhưng hành vi của họ “*trợ giúp*” cho cạnh tranh của người khác gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường cạnh tranh. Qua đó có thể thấy rằng trường hợp một cá nhân nếu tiến hành hành vi vì mục đích cạnh tranh của doanh nghiệp có dấu hiệu “*không lành mạnh*” thì cũng sẽ bị xem xét để truy cứu trách nhiệm.

3.2.2 Cần quy định cụ thể về việc xác định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng như xây dựng nghị định hướng dẫn chi tiết về các dạng hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Đặc điểm quan trọng của Luật Cạnh tranh là thường đặt ra các quy định mang tính mở. Luật Cạnh tranh không có những định lượng hoặc mô tả chi tiết về từng dấu hiệu cấu thành của hành vi vi phạm, các quy định cũng được liệt kê theo hướng mở. Từ khi Luật Cạnh tranh chính thức có hiệu lực từ tháng 07 năm 2005, Chính phủ mới chỉ có Nghị định số 116/2005/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh. Tuy nhiên Nghị

định số 116/2005/NĐ-CP lại chỉ hướng tập trung vào hướng dẫn đối với hành hạn chế cạnh tranh mà không có điều khoản nào giải thích đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Đây có thể coi là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thực tế gặp nhiều khó khăn. Một ví dụ điển hình về hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh - quảng cáo so sánh trực tiếp. Vụ việc của Acecook kiện Masan lên Cục Quản lý cạnh tranh vì cho rằng quảng cáo mì “*Tiến Vua bò cải chua*” vi phạm Khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh cấm “*so sánh trực tiếp hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp khác*” và Khoản 3 Điều 45 cấm “*đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng*” khi Masan phát sóng đoạn quảng cáo hình ảnh vắt mì màu vàng nhạt (Mì Tiến Vua bò cải chua – sản phẩm của Masan) và một vắt mì màu vàng sậm (của một Doanh nghiệp khác) cùng với thông điệp “*nước mì chuyển sang vàng đục chứng tỏ sợi mì có nhuộm màu*” và sử dụng cụm từ “*phẩm màu độc hại*” gây tâm lý hoang mang cho người tiêu dùng và phản ứng tiêu cực với mì màu vàng sậm. Acecook cho rằng Masan đã “so sánh trực tiếp” với sản phẩm của mình và đưa thông tin gian dối là tất cả vắt mì có màu vàng sậm đều nhuộm màu và chứa phẩm màu độc hại. Do không có văn bản nào giải thích khái niệm “so sánh trực tiếp”, theo cách giải thích của Cục Quản lý cạnh tranh thì “so sánh trực tiếp” là phải “trực tiếp” mới vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 45. Quảng cáo này không hề nhắc tới Acecook nên không được coi là “so sánh trực tiếp”. Song trên thực tế, rất hiếm khi doanh nghiệp vi phạm việc trực tiếp đề cập tới tên sản phẩm hoặc tên một doanh nghiệp khác. Vì vậy, việc hiểu luật theo cách này khiến Khoản 1 Điều 45 Luật Cạnh tranh rất khó áp dụng vào xử lý vi phạm trong thực tế. Các quy định về gièm pha doanh nghiệp khác và hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác trong điều luật cũng không mô tả dạng hành vi cụ thể mà chỉ quy định chung chung, gây khó khăn cho các nhà thực thi pháp luật.

Trong xu thế hội nhập hiện nay với những hình thức biểu hiện mới, tình vi hơn của các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đặc biệt là các hình thức xúc tiến thương mại, việc có một Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh về nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh làm rõ các dấu hiệu như nhận diện đối với biểu tượng, khẩu hiệu kinh doanh, quy định các dấu hiệu nhận diện hành vi nói xấu, gièm pha doanh nghiệp khác để phân biệt và xác định ranh giới với quyền tự do ngôn luận; bổ sung quy định về hành vi bán hàng hóa hoặc dịch vụ dưới giá thành toàn bộ nhằm cạnh tranh không lành mạnh (bán phá giá) vào nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh..... là điều hết sức cần thiết bởi pháp luật cạnh tranh còn chưa quy định cụ thể, rõ ràng nên việc xử lý các hành vi này chưa thật sự đạt hiệu quả.

3.2.3 Hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây nên

Luật Cạnh tranh mặc dù đã có quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng mới chủ yếu điều chỉnh các hành vi này bằng chế tài hành chính. Vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra không được quy định cụ thể trong Luật Cạnh tranh, dù chỉ là việc dẫn chiếu cụ thể đến pháp luật dân sự (Khoản 3, Điều 117 Luật Cạnh tranh). Sự dẫn chiếu đến pháp luật dân sự chỉ được quy định tìm thấy tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 71/2014/NĐ-CP. Như vậy vấn đề bồi thường thiệt hại đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được áp dụng theo các quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự 2015. Để các quy định về bồi thường thiệt hại liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh được triển khai trong thực tiễn thì vấn đề pháp lý về hướng dẫn, giải thích từ ngữ từ phía cơ quan có thẩm quyền cần được đưa ra nhất là từ phía Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công thương. Một số vấn đề cần lưu ý:

Thứ nhất, cần xác minh rõ chủ thể có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra

Theo nguyên tắc chung thì bất cứ ai bị thiệt hại bởi hành vi cạnh tranh không lành mạnh đều có quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên do tính đặc thù thì hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể gây ra thiệt hại cho nhiều chủ thể khác nhau cả thiệt hại trực tiếp lẫn thiệt hại gián tiếp. Trong thực tế, các đối thủ cạnh tranh là những chủ thể chủ yếu bị thiệt hại trực tiếp còn người tiêu dùng chỉ là những người bị thiệt hại gián tiếp. Chính vì vậy, pháp luật cần phải quy định rõ hơn về chủ thể có quyền được khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Theo kinh nghiệm thực tiễn một số nước, đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh chủ thể tiến hành khởi kiện chủ yếu là các đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó dưới góc độ bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, theo mô hình luật cạnh tranh hiện đại của nhiều nước, để tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng có khả năng tự bảo vệ mình thì pháp luật cũng có quy định người tiêu dùng là một trong những chủ thể có quyền khởi kiện yêu cầu việc bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các chủ thể gây ra.

Thứ hai, cần có sự quy định rõ chế tài dân sự nào có thể được áp dụng cho chủ thể có hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Theo quy định tại Điều 11 Bộ luật dân sự 2015, khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong đó có Tòa án áp dụng một trong các hình thức sau: Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của mình; buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ, buộc bồi thường thiệt hại; hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

Với từng loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh, những chế tài nào sẽ được áp dụng, vấn đề này cũng cần pháp luật có những quy định hướng dẫn rõ ràng.

Thứ ba, về mức bồi thường thiệt hại và xác định mức bồi thường thiệt hại

Vấn đề xác định mức bồi thường thiệt hại thực tế do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra cũng là vấn đề hết sức phức tạp. Ví dụ cụ thể nhất là trong vụ việc điều tra quảng cáo đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng của nhãn hiệu điều hòa Envio của Panasonic Nhật Bản, Cục Quản lý cạnh tranh đã điều tra và đưa đến kết luận: Quảng cáo của Panasonic với tính năng “bất hoạt đến 99,9% vi khuẩn và nấm mốc” là không đúng thực tế, trong khi doanh nghiệp mới chỉ thử nghiệm tác động kháng khuẩn với 02 loại vi khuẩn là Staphylococcus và Escherichia Coli. Tuy nhiên nếu người tiêu dùng đưa ra quyết định mua tủ lạnh Pannasonic thì mức thiệt hại của người tiêu dùng sẽ là mức kỳ vọng về sản phẩm và không thể đưa ra phép định lượng để tính toán cụ thể cho tất cả người tiêu dùng bị vi phạm. Theo quy định Luật Cạnh tranh, đối với hành vi “Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng” chế tài xử lý hành chính từ 80.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng và có thể bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu toàn bộ khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi, buộc cải chính công khai, không có quy định cụ thể về bồi thường cho người tiêu dùng. Vấn đề bồi thường thiệt hại được dẫn chiếu đến Luật Bảo vệ người tiêu dùng hoặc kiện ra Tòa theo quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Quy định tại Chương XX, Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015). Tuy nhiên mức thiệt hại trong trường hợp này là rất khó chứng minh xác định và mức thiệt hại cho một cá nhân là nhỏ so với toàn bộ người tiêu dùng.

Về vấn đề này, một số quốc gia đã quy định nguyên tắc lợi nhuận thu được của chủ thể có hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ đương nhiên thuộc về chủ thể bị hành vi cạnh tranh không lành mạnh đó xâm hại (Điều 5 Luật chống cạnh tranh không lành mạnh của Nhật Bản). Đây cũng là kinh nghiệm tốt mà Việt Nam nên tham khảo và cần có chính sách rõ ràng về vấn đề này. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần xây dựng các nguyên tắc riêng trong việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam.

3.2.4 Xây dựng một cơ quan riêng biệt chỉ thực hiện đảm nhận quản lý, giám sát cạnh tranh

Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường, nhưng hiện nay nước ta hiện vẫn chưa có một cơ quan riêng biệt chỉ thực hiện chức năng quản lý, giám sát cạnh tranh. Thiếu một cơ quan giám sát cạnh tranh độc lập và đủ năng lực sẽ đẩy doanh nghiệp trong nước vào thế bấp bênh, khi doanh nghiệp nước ngoài tràn vào, lợi dụng những kẽ hở trong quản lý thị trường, giám sát cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường, đánh bật các doanh nghiệp trong nước ngay trên “sân nhà”. Vì vậy, yêu cầu bức thiết là cần nâng cấp cơ quan quản lý cạnh tranh, phải tách bạch thành cơ quan chỉ chuyên thực hiện nhiệm vụ giám sát cạnh tranh, không đồng thời thực hiện làm chính sách hay xúc tiến thương mại.

Cơ quan chuyên môn giúp việc của các cấp chính quyền địa phương, cần tăng cường nghiên cứu nắm vững hơn các quy định của pháp luật về lĩnh vực chống cạnh tranh không lành mạnh, từ đó, tham mưu cho lãnh đạo địa phương đề ra chủ trương xử lý những tranh chấp phát sinh phải trên tinh thần tuân thủ triệt để các quy định của pháp luật, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng, không dùng quyền lực hành chính nhà nước, can thiệp bất hợp lý vào quan hệ kinh tế thị trường, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

3.2.5 Hoàn thiện các quy định liên quan đến chế tài phạt tiền

Chế tài xử phạt tuy đã được sửa đổi trong Nghị định số 71/2014/NĐ-CP theo hướng tăng khung hình phạt tiền, áp dụng thêm chế tài bổ sung đối với hành vi vi phạm trong bán hàng đa cấp đó là thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tuy nhiên các chế tài này, đặc biệt là quy định khung tiền phạt thường nhanh chóng lạc hậu theo thời gian và không mang nhiều tính răn đe với các đối tượng vi phạm. Có thể thấy, trên thực tế những hành vi cạnh tranh không lành mạnh có thể mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nhiều hơn so với số tiền phạt họ gánh chịu, đặc biệt là đối với những doanh nghiệp lớn có quy mô và sức ảnh hưởng mạnh trong nền kinh tế. Họ sẵn sàng bỏ ra số tiền chịu nộp phạt gấp đôi hoặc hơn để bôi xấu doanh nghiệp đối thủ, đánh bại đối thủ của họ, trong khi đó mức phạt ít hơn nhiều so với tiền mà các doanh nghiệp chi cho quảng cáo, nhưng đổi lại tạo ra hiệu quả tức thì.

Nghiên cứu chế tài xử phạt ở một số quốc gia, như Hàn Quốc, Trung Quốc... xử phạt nặng đối với doanh nghiệp có hành vi cạnh tranh không lành mạnh, như hành vi nói xấu doanh nghiệp trên mạng Internet. Hàn Quốc xử phạt hành vi này lên đến 350 triệu USD trong năm 2009; ở Mỹ xử phạt hành vi này lên đến 1 tỷ USD trong năm 2010; còn ở Trung Quốc với hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh, bên vi phạm có thể bị phạt đến 1 triệu nhân dân tệ (khoảng 2,7 tỷ đồng Việt Nam) và có thể sử dụng rút tiền miễn Website của doanh nghiệp vi phạm để đe dọa [09]. Do vậy, nếu không có biện pháp chế tài đủ mạnh sẽ khó quản lý được tình trạng các doanh nghiệp sử dụng hành vi cạnh tranh không lành mạnh với nhau.

Kiến nghị hoàn thiện về chế tài phạt tiền đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong Luật Cạnh tranh, tác giả đề xuất định hướng, thay vì đề ra một khung xử phạt tiền cụ thể các nhà làm luật nên quy định chế tài xử phạt theo hướng căn cứ tính theo doanh thu hoặc quy mô doanh nghiệp vi phạm. Doanh nghiệp càng lớn, doanh thu cao thì mức phạt đối với hành vi

cạnh tranh không lành mạnh cũng tăng theo tương ứng quy mô và doanh thu của doanh nghiệp. Việc áp dụng hình thức xử phạt như vậy nhằm tránh xảy ra tình trạng lạc hậu nhanh chóng của pháp luật và tăng cường tính răn đe với các đối tượng vi phạm trong thực tiễn.

3.2.6 Về sự phối hợp giữa cơ quan quản lý cạnh tranh với Tòa án trong việc xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Luật Cạnh tranh đã thiết kế một trình tự, thủ tục xử lý riêng cũng như thiết lập một cơ quan chuyên trách nhằm xử lý hành chính đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Khác với một số quốc gia, hành vi cạnh tranh không lành mạnh chỉ bị xử lý theo cơ chế bồi thường dân sự thì ở Việt Nam lại được bảo hộ kép, theo đó vừa có thể áp dụng cơ chế xử lý hành chính, lại vừa có thể áp dụng cơ chế khởi kiện bồi thường dân sự tại Tòa án có thẩm quyền theo pháp luật dân sự. Với cơ chế bảo hộ kép theo pháp luật cạnh tranh thì theo tác giả bất kỳ một hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh nào cũng đều bị khởi kiện theo cơ chế hành chính và cả cơ chế bồi thường thiệt hại tại Tòa án theo pháp luật dân sự, bởi trong hoạt động kinh doanh, bất kỳ một hành vi vi phạm nào chắc chắn cũng đều gây thiệt hại ít nhiều cho chủ thể bị hành vi cạnh tranh đó xâm hại.

Như vậy, ở đây sẽ có những tình huống xảy ra: khi có hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì chủ thể bị xâm hại sẽ khiếu nại lên cơ quan Nhà nước trước, sau đó mới tiến hành khởi kiện tại Tòa án; hay tiến hành đồng thời vừa khiếu nại lên cơ quan cạnh tranh đồng thời vừa khởi kiện yêu cầu bồi thường tại Tòa hoặc cũng có thể chỉ khởi kiện yêu cầu bồi thường tại Tòa. Đây chính là những vấn đề cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể để tạo cơ sở pháp lý xử lý những vấn đề này, nhằm đơn giản hóa thủ tục và phạm vi tranh tụng trong các vụ kiện về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trước Tòa án, bảo đảm thống nhất trong quá trình xử lý cũng như bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Theo định hướng của tác giả, những hướng dẫn xử lý vấn đề này nên dựa theo trình tự nguyên tắc sau:

Thứ nhất, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nên được xem xét xử lý trước hết tại cơ quan quản lý cạnh tranh.

Thứ hai, dựa trên những cơ sở dữ liệu điều tra, thiệt hại nếu có xảy ra, quyết định xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh, và dựa trên mong muốn của chủ thể bị vi phạm có thể khởi ra Tòa án đòi bồi thường thiệt hại. Những dữ liệu về kết quả điều tra của Cơ quan quản lý cạnh tranh cũng sẽ được coi là cơ sở quan trọng giúp Tòa án giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của chủ thể vi phạm.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý cạnh tranh và Tòa án trong việc xử lý đối với các tranh chấp bồi thường thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng cần được xây dựng.

3.2.7 Giải quyết mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và các văn bản pháp luật chuyên ngành

Để đảm bảo tính thống nhất trong quá trình áp dụng, tránh tình trạng chồng lấn thẩm quyền và cơ chế xử lý, phân định rõ cơ chế xử lý vi phạm theo Luật Cạnh tranh với các văn bản pháp luật khác là cần thiết, đòi hỏi cần có sự hướng dẫn thi hành. Cần xác định rõ mối quan hệ giữa Luật Cạnh tranh và văn bản pháp luật quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế cụ thể là quan hệ giữa pháp luật chung và pháp luật chuyên ngành. Trong đó Luật Cạnh tranh đưa ra những nguyên tắc cơ bản cho việc định dạng hành vi cũng như xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh, và các văn bản pháp luật khác phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc của Luật Cạnh tranh khi quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Các văn bản pháp luật khác quy định chi tiết và bổ sung cho Luật Cạnh tranh về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực điều chỉnh.

Để tránh chông chéo, đảm bảo thống nhất, tác giả cho rằng quá trình xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được Luật Cạnh tranh quy định sẽ được xử lý theo trình tự, thủ tục do Luật Cạnh tranh quy định và những hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định ở những văn bản pháp luật khác thỏa mãn các yếu tố của hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật Cạnh tranh cũng sẽ được xử lý theo trình tự và thủ tục mà Luật Cạnh tranh quy định. Bên cạnh đó, việc quy định mức xử phạt đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong Luật Cạnh tranh cũng như trong các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực cụ thể cũng cần có sự điều chỉnh nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ để pháp luật thật sự đi sâu có hiệu quả vào đời sống kinh tế - xã hội.

3.3 Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.3.1 Nâng cao năng lực của cơ quan Nhà nước trong việc quản lý hoạt động cạnh tranh và thực thi pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh

Thứ nhất, Chính phủ cần thành lập một cơ quan cạnh tranh thống nhất trực thuộc Chính phủ trên cơ sở nhập Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh

Căn cứ theo thực tiễn xử lý các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh trên cơ sở thực tiễn kết hợp tham khảo kinh nghiệm quốc tế thì việc thành lập cơ quan quản lý cạnh tranh độc lập, không trực thuộc Bộ Công thương để đảm bảo việc thực thi pháp luật khách quan, hiệu quả.

Hoạt động của cơ quan quản lý cạnh tranh chủ yếu được thể hiện trong hoạt động điều tra và xử lý áp dụng chế tài đối với các vụ việc cạnh tranh. Đặc biệt trong điều kiện nước ta hiện nay khi các doanh nghiệp Nhà nước đang chiếm giữ hầu hết các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, do đó đối tượng điều tra của cơ quan cạnh tranh có thể là các Tổng Công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế lớn thậm chí là cả các cơ quan quản lý nhà nước. Vì thế cơ

quan cạnh tranh cần một vị thế thực sự đủ mạnh và đảm bảo tính độc lập để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó, trước sự lớn mạnh phát triển không ngừng của nền kinh tế, các vụ việc cạnh tranh sẽ không ngừng tăng lên và tinh vi hơn, điều này đòi hỏi quy mô của Cơ quan Quản lý cạnh tranh phải được mở rộng nhằm đảm bảo nguồn tài chính, nhân lực để thực thi hiệu quả các công việc được giao.

Thứ hai, tăng cường công tác đào tạo cán bộ chuyên trách giải quyết các vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, nhất là các điều tra viên để bổ sung lực lượng cho cơ quan Quản lý cạnh tranh

Vấn đề cạnh tranh là vấn đề phức tạp, đòi hỏi các điều tra viên khi tiến hành tố tụng phải có kiến thức chuyên sâu không chỉ về pháp lý mà còn bao gồm cả những kiến thức về kinh tế. Phân tích kinh tế đóng vai trò quan trọng, không thể thiếu khi áp dụng các Luật cạnh tranh trong các vụ việc cụ thể. Để xây dựng đội ngũ điều tra viên, Cục Quản lý cạnh tranh cần phải tổ chức thực hiện các công việc:

- Xây dựng chương trình đào tạo toàn diện cho các điều tra viên cạnh tranh. Phối hợp với các tổ chức quốc tế, các cơ quan cạnh tranh nước ngoài tổ chức các khóa học đào tạo ngắn hạn về kỹ năng điều tra cho các điều tra viên của Việt Nam;

- Tích cực và tạo điều kiện cử các cán bộ của mình ra nước ngoài tham gia các khóa đào tạo ngắn và dài hạn;

- Phối hợp với các cơ quan đào tạo nghiệp vụ điều tra trong nước như: Bộ Công an, Viện kiểm sát cũng như các Trường Đại học kinh tế, Học viện Tài chính, Đại học Luật để bồi dưỡng nâng cao các kiến thức về kinh tế, tài chính, luật và kỹ năng điều tra cho các điều tra viên;

- Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các điều tra viên. Xây dựng và triển khai hoạt động của Trung tâm đào tạo điều tra viên của Cục. Trung tâm này không chỉ tập trung đào tạo các kỹ năng, kiến thức cho các điều tra viên của Cục mà còn có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cho các cán

bộ của các cơ quan có liên quan như: Cán bộ làm công tác bảo vệ người tiêu dùng tại địa phương, lực lượng quản lý thị trường tại các Tỉnh, Thành phố.

Thứ ba, bồi dưỡng cho đội ngũ Thẩm phán những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết cho việc xử lý các vụ kiện về cạnh tranh không lành mạnh

Theo quy định tại Điều 115 Luật Cạnh tranh, trường hợp không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, các bên liên quan có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với một phần hoặc toàn bộ nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại ra Tòa án Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền. Do vậy, để đảm bảo công bằng hiệu quả trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh, chúng ta cần tổ chức bồi dưỡng kiến thức về cạnh tranh cho các thẩm phán làm việc tại Tòa án.

3.3.2 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao văn hóa pháp lý cho các chủ thể tham gia cạnh tranh không lành mạnh

Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật hiện nay vẫn chưa được quan tâm một cách đúng mức trong xã hội nhất là trong giới doanh nghiệp, là chủ thể và đối tượng áp dụng chính của Luật. Do đó để nâng cao hiểu biết của người dân, cộng đồng doanh nghiệp và các hiệp hội ngành nghề về Luật Cạnh tranh nói chung và chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để đảm bảo thực thi một cách có hiệu quả Luật Cạnh tranh trong thực tế. Khi các chủ thể cạnh tranh có kiến thức thì họ nhận biết được hành vi của mình để từ đó có những sự điều chỉnh, vi phạm theo đó cũng sẽ được giảm thiểu do ứng xử kinh doanh đã có sự định hướng của pháp luật. Từ kinh nghiệm thực tiễn các nước, các cơ quan nhà nước nên:

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo tìm hiểu về kiến thức pháp luật nói chung, kiến thức về pháp luật cạnh tranh không lành mạnh nói riêng, trong đó phải xác định đối tượng chính là các doanh nhân.

- Phổ biến, tuyên truyền nội dung của Luật Cạnh tranh trên các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như các cuộc thi, tìm hiểu về Luật Cạnh tranh, diễn đàn đối thoại trực tiếp mời các chuyên gia nghiên cứu và có

lĩnh vực trong Luật Cạnh tranh, phổ biến pháp luật trên truyền hình, đài phát thanh, sách, báo chuyên ngành.

- Giáo dục đạo đức kinh doanh cho các thương nhân, phải cho họ hiểu những hậu quả xấu cũng như chế tài xử lý đối với việc kinh doanh bất chính, cùng lợi ích lâu dài từ việc cạnh tranh trung thực. Khi một doanh nghiệp nhận thức được hành vi cũng như hiểu biết về pháp luật thì những hành vi cạnh tranh không lành mạnh sẽ được giảm bớt, môi trường kinh doanh sẽ đảm bảo tính công bằng và nghiêm minh.

Kết luận chương 3

Để tạo lập được một môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, thân thiện, pháp luật cạnh tranh không lành mạnh nói chung hay pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng cần phải được hoàn thiện nhằm đảm bảo tính nghiêm minh và răn đe của pháp luật đối với các doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Xuất phát từ những nhu cầu thực tiễn và thực tiễn tình hình, với những đề xuất như cần có những quy định hướng dẫn xác định cụ thể về những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hoàn thiện về chế tài bồi thường thiệt hại, xây dựng cơ quan riêng biệt, hay như sự thống nhất trong văn bản, hoạt động của các cơ quan. Tác giả mong muốn các hạn chế, khó khăn đã đề cập ở trên sẽ dần được tháo gỡ và được thực hiện một cách đồng bộ, linh hoạt các giải pháp để pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung và pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng ngày một hoàn thiện, đi sâu hơn vào đời sống, giúp các doanh nghiệp có điểm tựa an tâm để thực hiện hoạt động kinh doanh của mình. cũng như nâng cao hiệu quả thực thi quy định về chế tài xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

KẾT LUẬN

Đi sâu vào nghiên cứu áp dụng chế tài đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của pháp luật cạnh tranh Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật diễn ra trong môi trường kinh doanh, hoàn thiện pháp luật nhằm đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Muốn tạo dựng được môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, công bằng, đảm bảo phát huy mọi tiềm năng kinh tế của đất nước và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thì công tác lập pháp cần có sự quan tâm hàng đầu. Việt Nam cần có một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và hoàn thiện, có cơ chế đảm bảo cho các doanh nghiệp trong nước phát huy mọi nội lực, tăng sức cạnh tranh trên thương trường, đảm bảo cho các doanh nghiệp nước ngoài một môi trường kinh doanh công bằng, thuận lợi. Thông qua việc ban hành mới và sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật hiện hành để điều chỉnh các quan hệ kinh tế theo sự tác động của các quy luật kinh tế khách quan. Trong đó, pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh nói chung hay pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng cần được hoàn thiện như một nhu cầu tất yếu để ngăn chặn mặt trái của hành vi cạnh tranh. Để công tác đấu tranh phòng, chống cạnh tranh không lành mạnh phát huy hiệu quả trong thực tế thì bên cạnh việc nâng cao năng lực thực thi pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nói chung và hiệu lực thực thi nhiệm vụ của cơ quan quản lý cạnh tranh nói riêng thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cũng rất cần được quan tâm trong cộng đồng để nâng cao khả năng tự bảo vệ của các đối tượng có liên quan, đưa pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh đến gần với các chủ thể kinh doanh để nâng cao khả năng tự vệ, hình thành thói quen, xây dựng đạo đức kinh doanh nhằm đảm bảo cho pháp luật về chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh có hiệu quả trên thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Vân Anh (2012), Tổng quan pháp luật và thực thi pháp luật cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam, Tài liệu Hội thảo khoa học về Thực thi pháp luật cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội
2. Phạm Quế Anh (2012), Khung pháp lý và tình hình thực thi pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong khu vực và trên thế giới, Tài liệu Hội thảo khoa học về Thực thi pháp luật cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội
3. Phạm Văn Cao (2013), Luận văn Thạc sỹ “Chế tài xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam”, Đại học Luật Hà Nội
4. Cục Quản lý Cạnh tranh (2013), Báo cáo thường niên 2013
5. Cục Quản lý Cạnh tranh (2014), Báo cáo thường niên 2014
6. Cục Quản lý Cạnh tranh (2015), Báo cáo thường niên 2015
7. Hoàng Minh Chiến (2016), Quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo luật cạnh tranh và một số bất cập, Tạp chí Luật học (số 8), tr. 27 – 38.
8. Hoàng Minh Chiến, Nguyễn Ngọc Quyên, Phạm Phương Thảo (2012), xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam hiện hành, Tài Liệu Hội thảo khoa học về Thực thi pháp luật cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam, trường Đại học Luật Hà Nội
9. Phạm Thị Hồng Đào, Quy định pháp luật về xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh và kiến nghị, <http://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi&ListId=75a8df79-a725-4fd5-9592-517f443c27b6&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=2080&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>, 04/01/2017

10. Hải Đăng, Xử phạt cạnh tranh không lành mạnh: Tăng gần 20 lần sau 10 năm, <http://www.doisongphapluat.com/kinh-doanh/xu-phat-canhh-tranh-khong-lanh-manh-tang-gan-20-lan-sau-10-nam-a169103.html>, 04/11/2016
11. Quách Thị Hương Giang (2011), Luận văn Thạc sỹ “Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo pháp luật Việt Nam”, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Trần Kiên, Vì sao doanh nghiệp “ngại” khiếu nại hành vi cạnh tranh không lành mạnh?, http://thanhtra.com.vn/kinh-te/vi-sao-doanh-nghiep-ngai-khieu-nai-hanh-vi-canhh-tranh-khong-lanh-manh_t114c5n111608, 05/11/2016.
13. Nam Khánh, Cạnh tranh không lành mạnh sẽ “giết chết” hiệu quả kinh doanh, <http://vietnambiz.vn/canh-tranh-khong-lanh-manh-se-giet-chet-hieu-qua-kinh-doanh-6807.html>, 06/11/2016
14. Tuệ Liên, Cạnh tranh không lành mạnh: Doanh nghiệp chủ động bảo vệ mình, <http://laodongthudo.vn/canh-tranh-khong-lanh-manh-doanh-nghiep-chu-dong-bao-ve-minh-37054.html>, 12/05/2016
15. Hòa Lộc, Phạt gần 1,85 tỷ từ các doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh, <http://www.baomoi.com/phat-gan-1-85-ty-tu-cac-doanh-nghiep-canhh-tranh-khong-lanh-manh/c/19201516.epi>, 23/04/2016.
16. Phạm Văn Lợi, Lê Thị Hoàng Oanh, Nguyễn Văn Cương, Hoàng Thế Anh, Vũ Thị Hiệp (9/2013), Pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Bộ Công thương, Hà Nội.
17. Nghị định số 05/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2006 quy định về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng cạnh tranh.
18. Nghị định số 06/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2006 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh.

19. Nghị định số 116/2005/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 09 năm 2005 quy định hướng dẫn Luật Cạnh tranh
20. Nghị định số 120/2005/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 09 năm 2005 quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh
21. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
22. Nghị định số 174/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện
23. Nghị định số 42/2014/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 05 năm 2014 quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.
24. Nghị định số 71/2014/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 21 tháng 07 năm 2014 quy định hướng dẫn Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh
25. Nghị định số 83/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 09 năm 2011 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông.
26. Nghị định số 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 08 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Sở hữu công nghiệp
27. Bình Nguyên, Thêm hai công ty đa cấp bị xóa sổ, <http://news.zing.vn/them-hai-cong-ty-da-cap-bi-xoa-so-post722248.html>, 20/02/2017.
28. Quốc hội, Bộ luật Dân sự 2015
29. Quốc hội, Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi 2009
30. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015
31. Quốc hội, Hiến pháp 2013
32. Quốc hội, Luật Cạnh tranh 2004

33. Quốc hội, Luật Doanh nghiệp 2014
34. Quốc hội, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009
35. Quốc hội, Luật Thương mại 2005
36. Quốc hội, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012
37. Quyết định số 848/QĐ-BCT ngày 05 tháng 02 năm 2013 về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh.
38. Lê Anh Tuấn (2008), Luận văn Tiến sỹ “Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam”, Khoa Luật – Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
39. Phạm Tuyên, Điều tra 7 vụ việc cạnh tranh không lành mạnh, <http://m.tienphong.vn/kinh-te/dieu-tra-7-vu-viec-can-tranh-khong-lanh-manh-826349.tpo#ref-https://www.google.com.vn/>, 26/02/2015
40. Phương Thảo, Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh nhiều nhất trong số các vụ việc được điều tra, <http://phapluatxahoi.vn/xahoi/quang-cao-nham-can-tranh-khong-lanh-manh-nhieu-nhat-trong-so-cac-vu-viec-duoc-dieu-tra-122187>, 04/11/2016
41. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật , NXB Công an nhân dân, Hà Nội
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), Giáo trình luật cạnh tranh, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
43. TS. Lê Danh Vĩnh, Hoàng Xuân Bắc, Th.S Nguyễn Ngọc Sơn (2006) Pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội
44. Hà Vy, Doanh nghiệp nên chủ động bảo vệ mình, <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/doanh-nghiiep-nen-chu-dong-bao-ve-minh-2682035.html>, 08/04/2005